

KIM NHẬT



BÁC HỒ

NHỮNG CÂU CHUYỆN CẢM ĐỘNG



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

KIM NHẬT

**BÁC HỒ
NHỮNG CÂU CHUYỆN
CẢM ĐỘNG**

(In lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN - 2007

LỜI NÓI ĐẦU

Danh nhân kim cổ trên thế giới thường để lại phần tinh hoa tư tưởng của họ thông qua những lời nói, những trước tác, những chuyện kể giản dị, hàm súc chứa đựng nhiều chân lý và có sức thuyết phục nhiều thời đại. Bác Hồ của chúng ta là một trong những người như vậy.

Phần do kính yêu Bác, phần do yêu cầu công việc, nhà báo Kim Nhật (tên thật là Nguyễn Văn Hùng, hiện công tác tại Báo Nghệ An) đã bỏ tâm lực trong nhiều năm để tìm hiểu, sưu tập, nghiên ngẫm và viết nên 26 bài viết nhỏ trong tập sách còn khiêm tốn mang tên **Bác Hồ, những câu chuyện cảm động**.

Trước đây, chuyện kể về Bác đã được nhiều Nhà xuất bản trong và ngoài nước tổ chức tập hợp, biên soạn, xuất bản và được bạn đọc hoan nghênh. Tiếp thu một số kết quả của người đi trước, cuốn sách nhỏ này có những điểm đáng chú ý về tư liệu, nghệ thuật kể chuyện, cách phân tích, tiếp cận bản chất sự

việc, lời nói, từ đó tìm ra bài học ứng xử đối với cuộc sống hiện nay.

Nhiều năm gần đây, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang kiên trì học tập, sống và làm việc theo Tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vậy, cuốn sách bạn có trên tay là một tài liệu tham khảo bổ ích, qua câu chuyện nhỏ mà đến được với những tư tưởng lớn. Tuy vậy, cuộc đời và tư tưởng của Người rất sâu rộng, nhiều giá trị cần phải có thời gian và trí tuệ của nhiều người mới khám phá, thấm nhuần hết được, nên chắc hẳn cuốn sách chưa đáp ứng được nhiều, thậm chí đây đó còn có hạn chế...

Nhà xuất bản mong bạn đọc thông cảm và hy vọng sẽ nhận được ý kiến góp ý, để lần tái bản sau, cuốn sách hoàn thiện hơn!

NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

NGƯỜI MỞ TRANG ĐẦU CHO NỀN MỸ THUẬT CÁCH MẠNG NƯỚC TA

Chưa bao giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tự nhận mình là họa sĩ, nhưng trên mỗi bước đường hoạt động cách mạng đầy chông gai, qua nhiều nước Á - Âu, Người đều sử dụng lão luyện ngòi bút báo chí như một công cụ hỗ trợ đắc lực. Bởi thế, Người tự nhận mình là một nhà báo.

Hẳn nhiều bạn đọc trong chúng ta còn nhớ bài báo *“Hành hình kiểu Lin-xơ, một phương diện ít người biết của nền văn minh Mỹ”* (đăng trong Tạp chí *Thư tín Quốc tế*, số 59, năm 1924). Với bài báo nổi tiếng này, nhà yêu nước - nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo một kiểu giết người cực kỳ man rợ thời kỳ chế độ nô lệ tại nước Mỹ: Người da đen bị trói vào cây, bị tưới dầu hoả, rồi bị đốt cháy! Trước khi chết, họ còn bị bẻ dân từng chiếc răng, bị móc mắt, bị rút

từng nhúm tóc kéo theo từng mảng thịt da, để lộ cái sợ người đâm máu... Chỉ trong vòng 30 năm, từ 1889 đến 1919, tại nhiều bang của nước Mỹ đã có 2.600 người da đen, 708 người da trắng bị hành hình theo kiểu Lin-xơ! Để mức tố cáo ở các bài báo được tăng thêm sức thuyết phục, thời gian làm báo, phụ trách các tờ báo trong đó có Báo *Người cùng khổ* tại Thủ đô Pa-ri (số 1 ra ngày 1-4-1922 và ra khoảng 38 số thì bị đình bản), Nguyễn Ái Quốc còn vẽ nhiều tranh biếm họa, đả kích tội ác đầy thú tính của chủ nghĩa thực dân và đế quốc. Tiêu biểu như các bức: *Người Pháp đánh đập tàn nhẫn dân bản xứ, Phu kéo xe cho quan lại Pháp...* Nguyễn Ái Quốc còn vẽ nhiều tranh khơi gợi niềm tự hào dân tộc Việt Nam, như các bức: *Hai Bà Trưng, Ông Lý Thường Kiệt, Ông Trần Hưng Đạo, Ông Đền Thám, Bà Bùi Thị Xuân...* Trang bìa của tập thơ *Nhật ký trong tù*, viết trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 1941 đến tháng 9 năm 1943, Bác có bức vẽ tả hai nắm tay bị xích xiềng đang vùng mạnh lên nhằm biểu thị quyết tâm, bản lĩnh, niềm tin vào chiến thắng cuối cùng! Những năm

1941, 1942 (trước khi bị bắt giam ở Trung Quốc), Bác trực tiếp phụ trách và viết bài cho báo *Việt Nam Độc lập*. Kể từ số đầu tiên ra ngày 1 tháng 8 năm 1941 đến các số cuối tháng 8 năm 1942, trên mặt báo, Bác hay có những vần thơ lẻ. Có lần, cạnh 2 câu thơ lục bát: “*Làm giỏi thì được mề đay* (tiếng Pháp, chỉ huy chương)/ *Chúng ta đều phải xắn tay mà làm*”, nhà báo Hồ Chí Minh vẽ một tám huy chương hình ngôi sao năm cánh, ở giữa có hai chữ V.M, để thưởng cho hội viên nào có thành tích...

Có thể khẳng định tính nhạy cảm, năng động, quyết liệt, kịp thời, óc thẩm mỹ với lối vẽ vừa trực diện dễ hiểu vừa thâm thúy sâu cay qua nhiều bức tranh của Bác đã trở thành những hồi chuông góp phần to lớn cảnh tỉnh lòng yêu nước thương dân, mối căm thù không đội trời chung với thực dân đế quốc và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê Nin cho người Việt Nam giữa đêm trường nô lệ.

Trên cơ sở sưu tầm, nghiên cứu các tác phẩm hội họa, điêu khắc đầu thế kỷ XX ở Việt Nam, nhiều học giả đều thống nhất cho rằng:

Nguyễn Ái Quốc, ngòi bút tiên phong dùng mỹ thuật làm vũ khí đấu tranh giải phóng dân tộc và loài người bị áp bức; chính Người đã đặt những viên gạch đầu tiên cho nền Mỹ thuật Cách mạng nước ta phát triển sôi động và đạt nhiều thành tựu suốt một thế kỷ vừa qua!

HỌC TIẾNG NÓI CỦA LÊ NIN

Ngôn ngữ là thứ sản phẩm đặc biệt của mỗi nền văn hoá, là một tiêu chuẩn quan trọng để phân định, đánh giá sự ra đời và trưởng thành của một dân tộc gắn với vị thế, phạm vi ảnh hưởng của dân tộc đó. Tiếng Nga, ai cũng biết, là một ngôn ngữ chính xác, bay bổng nhưng lại rất khó học, càng khó sử dụng... Ấy vậy mà, ngay từ khi đặt chân lên đất nước Liên Xô - ngày 30 tháng 5 năm 1923 - để có thêm phương tiện nhận thức, tư duy, và hoạt động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã tranh thủ học tiếng Nga. Chỉ trong một thời gian ngắn, Người đã nghe và nói được một số tiếng thường dùng trong đời sống giao tiếp hàng ngày. Điều đó, làm cho một số bạn thân của Người lúc bấy giờ, hết sức ngạc nhiên! Với tinh thần ham học hỏi đó, khoảng 5 năm trên đất bạn, nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc đã nắm khá thành thạo tiếng Nga.

G.S Nguyễn Khánh Toàn sau này có cho biết: Thời gian Bác vào lớp Nghiên cứu sinh Ban Sử học của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, Bác đồng thời nhận phiên dịch nhiều tài liệu từ tiếng Nga sang tiếng Việt. Với tiếng Nga học được, Bác viết rất nhiều bài báo giàu tính chiến đấu và quốc tế, gửi đăng các báo chí ở Liên Xô hồi đó, như *Sự Thật*, *Tiếng Còi*, *Tạp chí Đỏ*, *Thời Mới*... Khi đã ở vào cương vị Chủ tịch nước, Bác Hồ từng sang thăm Liên Xô nhiều lần. Bác đi nhiều nơi, trò chuyện với nhiều người bằng tiếng Nga, riêng với Trường Ngoại ngữ mang tên Hồ Chí Minh ở I-éch-kút, Bác đến mấy lần. Đây là một Học viện dạy tiếng nước ngoài ở Liên Xô, vinh dự được gắn tên Hồ Chí Minh từ cuối năm 1969 (Bác qua đời), là trường kết nghĩa với Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Các nhà giáo dục công tác tại trường này còn mãi nhắc nhở và trân trọng nhiều kỷ niệm đẹp, xúc động về những buổi gặp, đón Bác năm xưa. Nhờ vào uy tín của mình, và nhờ có trình độ tiếng Nga nữa, Bác đã làm tăng thêm bầu không khí ấm áp, tình hữu nghị chân thành và thắm

thiết giữa hai nước Việt Nam - Liên Xô cả một thời gian dài.

Một nhà báo lớn của Việt Nam được đi công tác cùng Bác sang Liên Xô, là nhà báo Thép Mới, có kể lại câu chuyện sau: Đã có một đồng chí ở Thủ đô Mát-xcơ-va thốt lên, rằng từ trước đến nay, những người nổi tiếng trên thế giới đến Liên Xô mà nói sõi được tiếng Nga thì chỉ có 3 người: Đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp Mô-rít Tô-rê; nhà nghệ sĩ da đen người Mỹ Pôn Rốp-xơn; và Chủ tịch Hồ Chí Minh!

Như vậy, học và sử dụng tiếng Nga tuy khó nhưng người Việt Nam ta không phải không làm được. Ngoài Bác Hồ, còn có nhiều tấm gương tự học rồi sử dụng thành thạo tiếng Nga trong ngoại giao và các chuyên ngành khoa học, văn hóa, văn học - nghệ thuật. Đáng tiếc, những người như vậy ngày càng hiếm đi, khiến cho tình hình rất khác trước. Một ông bạn dạy tiếng Nga vào loại kỳ cựu của tôi, hôm nọ than phiền: "Từ ngày tiếng Anh lên ngôi, thì tiếng Nga trở nên lép vế dần, có lúc đến thảm hại! Đã có thời gian dài ở

bậc đại học và phổ thông, tiếng Nga không được dạy, hoặc có dạy cũng rất hình thức, đối phó”.

Buồn lắm! Tiếng Nga không chỉ gắn liền với tên tuổi Lê Nin, với chủ nghĩa xã hội; tiếng Nga còn là hiện thân máu thịt của tính cách Nga, với văn hoá và văn học Nga nữa. Chúng ta từng “say” tiếng Hán, tiếng Pháp, tiếng Nga. Bây giờ người ta đổ xô đi học tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Đức... Trong khi đó, theo kinh nghiệm của nhiều người giỏi ngoại ngữ, muốn hiểu, nắm chắc và sử dụng thành thạo một thứ tiếng, cần phải bỏ ra... cả một đời người!

Văn hào L.Tôn-xtôi từng nói: *“Ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc”*. Vâng, nhưng tôi nghĩ, với tiếng Nga thì đó đâu chỉ là “linh hồn” của riêng người Nga?! Cộng hoà Liên bang Nga, với diện tích 17.075.400km², dân số 146.601.176 người, có quan hệ ngoại giao với nước ta từ ngày 3-1-1950. Ngôn ngữ của một đất nước rộng lớn, giàu truyền thống và tiềm lực như thế, từng một thời làm say đắm nhân loại tới mức mê hoặc như thế, lẽ nào ngày nay, tiếng Nga không còn đủ sức hấp dẫn loài người tiến bộ nữa?!

THÊM BẢN DỊCH MỘT BÀI THƠ CHỮ HÁN CỦA BÁC

*Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại.
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần càng yấn đại.*

Trong nguyên tác, tập thơ chữ Hán *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ có 133 bài. Bốn câu thơ này không có đầu đề, tác giả chép ở ngoài bìa tập thơ cùng hình vẽ hai cánh tay bị xiềng.

Bài thơ có ý nghĩa như một lời “đề từ” cho toàn bộ cuốn *Nhật ký*. Bản dịch nghĩa: “*Thân thể ở trong ngục/ Tinh thần ở ngoài ngục/ Muốn thành sự nghiệp lớn/ Tinh thần càng phải lớn*”. Năm 1960, lần đầu tiên Viện Văn học nước ta hoàn thành bản dịch và cho xuất bản tập *Nhật ký trong tù* vào đúng dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh tròn

70 tuổi. Bài thơ được nhà thơ - dịch giả Nam Trân dịch thành thơ như sau:

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

Cho đến nay, bản dịch thơ của Nam Trân vẫn được nhiều thế hệ bạn đọc trong đó có học sinh, sinh viên yêu thơ Bác biết đến, chẳng những thế, họ còn thuộc lòng. Mặc dù vậy, theo nhà Hán học Trần Đắc Thọ, tác giả công trình *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia Hà nội - 2003) thì bài thơ này, Bác có dụng ý sử dụng vần trắc (Các chữ *ngoại, nghiệp, đại* khi phát âm thì nặng và ngắn), qua đó Người muốn nói lên những gian nan thử thách đã và sẽ đến với mình, đồng thời nhấn mạnh quyết tâm cao để vượt qua tất cả. Từ quan niệm này, ông Trần Đắc Thọ đề xuất một bản dịch thơ khác:

*Thân thể trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục.
Sự nghiệp lớn muốn thành,
Tinh thần cao tốt bậc.*

Bản dịch thơ này, quả thật không “thoát” như bản dịch của Nam Trân, nhưng có phần chắc là bám sát tinh thần, âm điệu của nguyên bản hơn, đặc biệt là ở vần trắc cuối các câu thơ, chứa đựng nhiều dụng ý của một Người - Tù - Vĩ - Đại.

“MỘT NHÀNH MAI” HAY “MỘT CÂY CHI MAI”?

Trong phần thơ chữ Hán của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoài 133 bài thơ của tập *Nhật ký trong tù* (viết từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943), Người còn có nhiều tác phẩm vào loại thật hay nữa, mà bài thơ chữ Hán cuối cùng của Bác là bài “*Mậu Thân xuân tiết*” (viết ngày 14-4-1968).

Bài thơ “*Thương sơn*” sau đây, Bác viết tại Lũng Dẻ, năm 1942:

Phiên âm:

THƯƠNG SƠN

*Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thương đáo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.*

Lũng Dẻ, 1942

Dịch nghĩa:

LÊN NÚI

Ngày hai mươi tư tháng sáu,

Trèo lên trên núi này.

Ngẩng đầu thấy gần mặt trời đỏ,

Bên kia suối, có một nhành mai.

Lũng Dẻ là tên một cái hang ở sườn dãy núi đá Lam Sơn, thuộc xã Minh Tân, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tại hang này, có đặt cơ quan ấn loát *Báo Việt Nam Độc lập* (trước kia ở Khuổi Nặm - Pắc Bó, nay mới chuyển về Lũng Dẻ), do Bác Hồ sáng lập và trực tiếp phụ trách. Bài thơ tứ tuyệt viết ở Lũng Dẻ này, rất kiệm lời, tính biểu trưng cao, thể hiện tầm nhìn và con mắt thơ của một thi sĩ phương Đông. Điều khiến tôi còn có sự phân vân nằm ở câu kết: “*Đối ngạn nhất chi mai*”. Các bản dịch trước đây, đều được dịch: Bên bờ suối đối diện có một nhành mai. Bản dịch khá quen thuộc của nhà thơ Tố Hữu cũng hiểu vậy: “*Hai mươi tư tháng sáu/ Lên ngọn núi này chơi/ Ngẩng đầu: mặt trời đỏ/ Bên suối một nhành mai*”. Nhưng, cũng ở câu thơ thứ

4 này, lại có một cách hiểu khác cần được chú ý. Nhà Hán học Trần Đắc Thọ trong cuốn sách *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội - 2003) cho rằng: “Nhất chi mai” là một cây chi mai, chứ không phải một nhành mai. Theo ông, chi mai là một loại mai nhỏ, thường được trồng vào chậu, hoa nở vào mùa xuân, không kết trái. Người ta có thói quen chơi chi mai cả cây, chứ không cắt cành vì hoa chóng tàn. Khi nhận xét về các bản dịch cũ, ông Trần Đắc Thọ viết: “Thiết nghĩ, nếu chỉ đơn giản là một nhành mai thì nó sẽ lẫn vào cây cỏ khác. Tác giả ghi rõ thời điểm làm bài thơ là 24 tháng 6 - lúc đó mai làm gì còn hoa nữa?”. “Nhất chi mai” ở đây không có nghĩa như “nhất chi mai” trong bài thơ nổi tiếng của Mãn Giác Thiền sư đời Lý: “Ngạc vị xuân tàn, hoa lạc tận/ Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai” (Dịch thơ: Chớ tưởng xuân tàn hoa rụng hết/ Đêm qua sân trước một nhành mai).

Vậy, cụm từ “nhất chi mai” trong câu thơ “Đối ngạn nhất chi mai” là một nhành mai, hay là một cây chi mai? Một chi tiết tuy nhỏ nhưng

nó lại ở trong câu cuối một bài thơ tứ tuyệt, có thể xem là một điểm nhấn, tạo nên tứ thơ, nên cũng cần được minh định. Ở Cao Bằng, nếu có loài chi mai thật, thì cách hiểu và dịch của Trần Đắc Thọ có cái lý của ông (*Bên bờ đôi diện có một cây chi mai*). Nhưng cũng không loại trừ khả năng, đó chỉ đơn giản là một nhành mai, như cách hiểu và dịch của nhà thơ Tố Hữu. Trong thơ ca, một nhành mai có thể đại diện cho một cây mai lắm chứ?!

Và, sẽ cảm động biết bao khi chúng ta biết thêm điều này: Ngày 24-6-1942, Bác Hồ “*Thượng sơn*” (Lên núi) thì chỉ một thời gian rất ngắn sau đó, ngày 27-8-1942, Bác lên đường từ sáng sớm đi Bình Mã, đến Túc Vinh (huyện Đức Bảo, Quảng Tây, Trung Quốc), liền bị bọn tuần canh bắt giữ. Sự kiện oái ăm này đã mở đầu cho thời gian hơn một năm Người bị Quốc dân đảng Trung Quốc giam hãm, đoạ đày, để từ đó viết nên tập thơ bất hủ *Nhật ký trong tù*!

BÀI THƠ CUỐI MỞ ĐẦU TỰ DO

Tập thơ *Nhật ký trong tù* gồm 134 bài (không kể bài thứ 135 “*Mới ra tù tập leo núi*” in cuối tập khi tác giả được tự do), viết từ ngày 29-8-1942 đến ngày 10-9-1943, khoảng thời gian Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Quảng Tây (Trung Quốc). *Nhật ký trong tù* được Viện Văn học tổ chức dịch và Nhà xuất bản Văn hóa (Hà Nội) cho ra mắt rộng rãi bạn đọc vào năm 1960. Từ đấy tới nay, tập thơ đã nhiều lần tái bản; được nhiều nhà nghiên cứu, phê bình và bạn đọc trong, ngoài nước tìm hiểu một cách trân trọng, công phu chủ yếu nhằm giải đáp một thắc mắc mà Giáo sư Đặng Thai Mai có lần nêu ra: “*Cái gì trong tập thơ này đã quyến rũ người đọc, đã làm cho người đọc ở nước ta cũng như ở nước ngoài đánh giá hết sức cao?*”.

Áp-đen Ma-lếch Kha-lin, trên báo *Tin tức* (Ai-cập) ra ngày 10-9-1969, đã hết lời ca ngợi: “*Cụ đã trở thành như một vị Thánh, một người thầy, một*

người tiêu biểu cho cuộc kháng chiến, một nhà văn, một nhà tuyên truyền chính trị, một nhà nghiên cứu văn học sắc bén và một nhà thơ giàu tình cảm”. Khía cạnh nhà thơ với tập *Nhật ký trong tù*, A. Kha-lin viết: *“Còn về nhà thơ Hồ Chí Minh, thì phải nói rằng Cụ vào loại có một không hai trong cả khu vực Đông Nam Á, như đã thể hiện trong các bài thơ Cụ sáng tác trong thời gian bị tù đày ở Trung Quốc dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, khi Cụ bị bọn cầm quyền Trung Quốc giam giữ, gông cùm và xiềng xích!”.* Đọc những bài thơ trong *Nhật ký trong tù*, tác giả cảm thấy rõ: *“Nguồn thơ của Cụ không bao giờ dứt. Và những bài thơ đó tự nó cũng đã hợp thành một bản anh hùng ca về một con người tin tưởng vào sự nghiệp đấu tranh và những cuộc chiến đấu của mình”.*

Còn Gioóc-giơ Bu-đa-ren, ở lời giới thiệu *Nhật ký trong tù* (Pa-ri, 1971) thì đã gắn kết phẩm chất “người chiến sĩ” và “nhà thơ” trong mỗi hình tượng thơ của Người. Tác giả này đi đến một kết luận đáng chú ý: *“Trong bản thân con người Ông Hồ Chí Minh, nhà cách mạng với nghệ sĩ kiểu mới là một”.* G. Bu-đa-ren còn thấy rõ tư tưởng Nhân văn vô cùng quý giá trong toàn bộ tập *Nhật ký*: *“Trong tất cả các bài thơ, không*

bài nào vắng bóng con người. Các bài thơ ấy góp phần tạo nên tư tưởng Nhân văn cho toàn tác phẩm, và góp phần soi sáng một thực tế đang đe dọa, phá hoại con người! ”.

Tập thơ *Nhật ký trong tù* quả là viên ngọc quý trong kho tàng văn hoá - văn học Việt Nam và nhân loại. Bạn đọc rộng rãi đã và sẽ còn dành nhiều thời gian, nhiều tâm huyết và nhiều phương pháp tiếp cận nữa để tìm hiểu về hiện tượng văn học vừa sâu sắc vừa độc đáo này.

Ngày 10 tháng 9 năm 2003, chúng ta kỷ niệm 60 năm Bác Hồ viết bài thơ cuối cùng, bài số 134 "Kết luận" tập *Nhật ký trong tù*:

*May mắn gặp được chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do.*

Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,

Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu!

29-8-1942 - 10-9-1943.

Hết

Bài thơ cuối tập thơ *Nhật ký* đã mở đầu một Tự do mới của Bác Hồ, góp phần quan trọng mở ra một thời đại chưa từng có trong lịch sử Cách mạng nước ta!

“ĐÃ SÁNG LẠI TRỜI THU THÁNG TÁM”

Do thời cơ giành chính quyền đã đến gần, ngày 8 tháng 8 năm 1945, Việt Minh liên tỉnh Nghệ - Tĩnh (thành lập ngày 19-5-1945) tổ chức Đại hội đại biểu bàn kế hoạch Tổng khởi nghĩa. Đại hội khai mạc tại làng Châu Sơn, xã Phúc Mỹ, nay là xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên.

Trước tình hình thay đổi mau lẹ, Ban Thường vụ Mặt trận Việt Minh Nghệ - Tĩnh đã thành lập ngay Ủy ban khởi nghĩa và phát động khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn tỉnh. Ngày 15-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Chớp thời cơ thuận lợi đó, Ủy ban khởi nghĩa Nghệ - Tĩnh phát lệnh: *“Các địa phương phải bố trí ngay việc cướp chính quyền, tùy hoàn cảnh của từng địa phương, không câu nệ làng trước hay huyện*

trước. Cướp chính quyền xong, phải tuyên bố huỷ bỏ các pháp luật, quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội do Pháp, Nhật và chính phủ bù nhìn lập ra”.

Nhận được lệnh, ngày 16-8-1945, nhân dân xã Thanh Thuỷ, huyện Nam Đàn đã vùng dậy giành chính quyền; tiếp đó là các làng quanh Thành phố Vinh như Yên Dũng, Lộc Đa (ngày 17-8-1945). Quỳnh Lưu là huyện đầu tiên ở Nghệ An giành chính quyền cấp huyện thắng lợi vào ngày 18-8.

Phong trào khởi nghĩa trên đà phát triển, được tin bọn tàn quân Pháp kéo vào vùng Na-pê (Lào) để từ đó nhảy vào Nghệ An và Hà Tĩnh, ngày 18-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Nghệ - Tĩnh liền ra thông tư khẩn cấp cho các địa phương: *“Lập tức cướp chính quyền và tổ chức ngay cứu quân để sẵn sàng đối phó với âm mưu khôi phục thuộc địa của Pháp. Tổ chức tòa án nhân dân cách mạng trừng trị bọn Việt gian và trộm cướp, tổng động viên sức người, sức của cho cách mạng”.* Nhận được thông tư này, nhiều địa phương phải thay đổi kế hoạch khởi nghĩa của

mình. Ủy ban khởi nghĩa huyện Hưng Nguyên liền phát động quần chúng biểu tình kéo lên phủ lý giành chính quyền thắng lợi vào ngày 19-8-1945.

Tại Thành phố Vinh (ngày 10-12-1927, chính quyền thực dân Pháp cho ra đời Thành phố Vinh - Bến Thủy), vì đang có quân Nhật với đầy đủ vũ khí trang bị, để tránh đổ máu, ngày 19-8, ta tổ chức lực lượng điều hành thăm dò thái độ của quân Nhật, nhưng quân Nhật vẫn im lặng. Ngày 21-8-1945, ta tiến hành giành chính quyền tại thành phố. Đồng chí Nguyễn Tài, đại diện Việt Minh vào gặp chỉ huy quân Nhật. Trước khí thế áp đảo của cách mạng, bọn Nhật phải chấp nhận mọi yêu cầu của ta.

Đúng 12 giờ trưa ngày 21-8-1945, các lực lượng cách mạng kéo đến, bao vây Dinh tỉnh trưởng Nghệ An. Tỉnh trưởng Đặng Văn Hướng tuyên bố đầu hàng cách mạng. Đồng chí Lê Viết Lượng, thay mặt Ủy ban cách mạng lâm thời Nghệ An tuyên bố xoá bỏ chính quyền cũ, thiết lập chính quyền mới, kêu gọi quần chúng giúp

đỡ, giữ gìn trật tự an ninh trong thành phố, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Như vậy là với thắng lợi ở Thành phố Vinh, cuộc Khởi nghĩa tháng Tám giành chính quyền trên toàn tỉnh ta đã thành công! Nhân dân các dân tộc Nghệ An, bao năm lầm than, dưới ách thống trị của thực dân Pháp, phát xít Nhật và vua quan phong kiến thống trị, nay đứng dậy cùng cả nước giành chính quyền, độc lập, tự chủ.

Còn nhớ, trong Thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nghệ An tỉnh nhà (Hà Nội, ngày 17-9-1945), lấy danh nghĩa là một Người - Đồng Chí - Già mà viết, san sẻ ít nhiều kinh nghiệm với các đồng chí của mình, Người phân tích và khẳng định: *“Cuộc dân tộc cách mạng thành công này có những ý nghĩa, đó là: Trong một thời gian ngắn, chúng ta đã phá tan chế độ quân chủ chuyên chế mấy nghìn năm nay. Chúng ta đã đánh đổ cái nền thống trị của hai đế quốc chủ nghĩa: Pháp và Nhật. Chúng ta đã lập nên một chính thể Dân chủ cộng hoà. Đó là một thắng lợi xưa nay chưa từng thấy trong lịch sử nước ta!”*. Trong thư, Người - Đồng - Chí - Già còn động

viên cán bộ và nhân dân Nghệ An trên cơ sở nhận thức rõ cái tất yếu sẽ đến: *“Công việc phá hoại xong rồi. Nay bước đầu công việc dọn dẹp sắp đặt, giữ gìn kiến thiết. À! Việc này mới khó chứ”*. Người viết tiếp: *“Khó thì khó thật, nhưng chúng ta quyết tâm, chúng ta vừa làm vừa học, nhất là chúng ta cố mà theo cho đúng chính sách của Chính phủ, thì nhất định chúng ta vượt qua hết thảy những sự khó khăn đó”...*

Gần sáu thập kỷ trôi qua, những biến động lịch sử trên quê hương cách mạng, cùng những lời chỉ bảo ân cần, minh triết của Người vẫn còn luôn tươi mới!

TẾT TRUNG THU ĐẦU TIÊN CỦA MỘT NƯỚC ĐỘC LẬP

Năm 1945, mùa Thu. Cách mạng tháng Tám thành công. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Chẳng những người lớn mà trẻ con cũng vui sướng được sống trong một đất nước đã bắt đầu có tự do và độc lập. Nhớ đêm Trung Thu đầu tiên trong sáng, long lanh và ấm áp diễn ra ở Thủ đô Hà Nội năm đó, ông Vũ Kỳ - người thư ký gắn bó nhiều năm với Bác Hồ - đã kể lại khá tỉ mỉ trong một thiên hồi ký...

Vào buổi chiều ngày 21-9-1945, tức ngày 15-8 (âm lịch) năm Ất Dậu, Bác Hồ bảo đồng chí thư ký về nhà trước, còn mình thì ở lại Bắc Bộ phủ đón các cháu thiếu nhi vào vui Tết Trung Thu. Trước đó mấy hôm, Bác đã viết một lá thư dài gửi các cháu nhân ngày tựu trường. Liên đó, Người viết *Thư gửi thiếu nhi Việt Nam đêm*

Trung Thu. Thư viết trước cả tuần lễ để kịp đến với các cháu mình khắp mọi miền đất nước, đủ thấy Bác của chúng ta bao giờ cũng chu tất. Đúng 21 giờ, các cháu có mặt trước Bắc Bộ phủ. Bác xuất hiện, tươi cười, thân thiết. Tiếng hoan hô, tiếng trống rộn ràng. Sư tử thì nhảy múa. Tất cả vui sướng, reo hò, kính chúc Bác Hồ sống lâu muôn tuổi. Bác xúc động bước xuống thêm đón các cháu. Tiếng hoan hô càng dậy lên. Một bạn nhỏ, đứng trước máy phóng thanh đọc lời chào mừng. Đọc xong, em hô to: “Bác Hồ muôn năm” thì lập tức, tiếng hô “Muôn năm” nối nhau không ngớt... Bác giơ cao hai tay, tỏ ý cảm ơn các cháu, rồi lần lượt, Bác bắt tay từng cháu đứng ở dãy đầu. Ánh mắt Bác lúc này vui sướng lạ thường. Bằng giọng Nghệ pha lẫn giọng các miền đất nước, Bác “vào chuyện” với các cháu rất tự nhiên: “*Các cháu! Đây là lời Bác Hồ nói chuyện...*”. Cuối bài nói, trước khi phá cỗ, Bác đề nghị tất cả cùng hô to: “*Trẻ em Việt Nam sung sướng!*” - “*Việt Nam Độc lập muôn năm!*”. Và thế là, tiếng hô của các em rền vang cả một vùng trời...

"Trẻ em Việt Nam sung sướng!" - "Việt Nam Độc lập muôn năm!". Tôi nghĩ, đây không phải là khẩu hiệu, mà đây là tấm lòng khao khát tốt cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của tất cả thiếu nhi Việt Nam. Việt Nam có Độc lập, trẻ em mới được sung sướng. Và, trẻ em sung sướng thì sự Độc lập kia mới được thể hiện một cách cụ thể, thực chất. Trẻ em Việt Nam vui sướng, Việt Nam Độc lập muôn năm - sau gần 60 năm trôi qua, đến hôm nay và mãi mai sau, chắc chắn đó vẫn là những mục tiêu, là động lực cho mỗi chúng ta, cho các thế hệ tiếp nối suy tư và hành động.

GS. Tôn Thất Tùng, khi nghe tin Bác Hồ qua đời ông vừa khóc vừa viết: *"Gần Bác, không bao giờ nghe Bác nói chính trị hay lý luận cả, mà chỉ nghe những lời nhắc nhở của một người Cha đối với con"*. Nhớ về Trung Thu đầu tiên của nước Việt Nam Độc lập - Hoà bình, cho dù lúc bấy giờ một nửa nước phía Nam còn bị tạm chiếm, chúng ta khôn nguôi cảm phục tấm lòng, niềm khao khát của Người đối với thiếu nhi, rộng ra là đối với mọi người, để ai cũng có thể *"Thăng*

lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay” (Thơ Tố Hữu). Tôi chợt liên tưởng tới một đoạn văn trong Thời báo Đê-li (Ấn Độ) ra ngày 2-2-1958: “Thưa Cụ Hồ Chí Minh! Chúng tôi ôm chặt Cụ vào lòng! Tại sao chúng tôi hoan nghênh Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách thân mật như vậy? Vì Cụ là một trong những người hiếm có, một kiến trúc sư đã làm cho con người khỏi phải sống khom lưng. Người kiến trúc sư cao quý nhất là người làm cho lưng những người khác tự thẳng dậy!”.

“TẾT NÀY MỚI THẬT TẾT DÂN TA!”

Cuốn *Lịch sử Báo chí Việt Nam, 1865-1945* do PGS-TS Đỗ Quang Hưng chủ biên (Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001), trong phần danh mục báo chí nước ta trước Cách mạng, có cho bạn đọc biết một vài thông tin về tờ báo *Quốc gia*. Bấy giờ, gọi là *Quốc gia nhật báo*, do ông Lê Ngọc Thiều làm chủ bút.

Toà soạn của *Quốc gia nhật báo*: 67. Place Neyeet - Hà Nội. Báo in tại Nhà in Lê Cường. Đây là một tờ báo tư nhân, số 24 ra vào ngày 20-7-1939 và xuất bản đến năm 1944 thì đóng cửa (có tư liệu cho là đến năm 1945, theo tôi, ý kiến sau có cơ sở hơn). Với tờ báo này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có cảm tình và đã làm bài thơ, theo thể Đường luật, tặng toà soạn báo như sau:

TẶNG BÁO QUỐC GIA

*Tết này mới thật Tết dân ta,
Mấy chữ chào mừng Báo Quốc gia.
Độc lập với đầy ba cốc rượu,
Tự do vàng đỏ một rừng hoa.
Muôn nhà chúc Tết Xuân Dân chủ,
Cả nước hoan nghênh Phúc Cộng hoà.
Ta chúc nhau rồi, ta nhớ chúc:
Những người chiến sĩ ở phương xa!*

Trong cuốn sách *Thơ Hồ Chí Minh* của Nhà xuất bản Nghệ An (tái bản lần 2, năm 2003) thì phía dưới bài thơ không ghi thời gian sáng tác. Nhưng căn cứ vào nội dung, chi tiết và tinh thần của áng thơ, chắc chắn tác phẩm này phải ra đời vào năm đầu tiên của nước Việt Nam - Dân chủ - Cộng hoà, một đất nước đã bằng tim óc, máu xương của chính mình, do Đảng chỉ lối, vừa giành được tự do, độc lập.

Trong không khí tung bừng, hạnh phúc hưởng cái Tết đáng ghi nhớ đó, Bác Hồ nhắc nhở mọi người, chứ đâu chỉ với *Quốc gia nhật báo*,

rằng đừng quên “*Những người chiến sĩ ở phương xa*”. Cái tứ của bài thơ được bật mở, cả tám câu thơ như vượt khỏi vần luật, tràn trề niềm hưng phấn, niềm thơ nhưng tuyệt nhiên không rơi vào say sưa, lạc quan tếu, ích kỷ... Đó, chỉ có thể là tầm nhìn xa rộng, là tấm lòng ân nghĩa, chỉ chút của một Người Hiền như Bác:

Ta chúc nhau rồi, ta nhớ chúc:

Những người chiến sĩ ở phương xa!

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI BÁO CHÍ CHỐNG TIÊU CỰC

Có một điều khá thú vị: Hầu hết các nhà văn, nhà thơ tên tuổi, ngoài sáng tạo văn chương đều có tham gia làm báo - viết bài hoặc biên tập, và đến nay còn lưu giữ biết bao kỷ niệm đẹp về quãng đời làm báo sôi nổi của mình. Một người trong số họ là nhà thơ lão thành Trần Lê Văn. Ông có kể lại thời gian đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động trong lĩnh vực báo chí, văn nghệ ở Nam Định quê hương. Nhà thơ tham gia xây dựng và viết bài cho *Báo Nam Định kháng chiến* giúp bạn đọc nắm bắt kịp thời tình hình chiến sự, ngoài ra còn nhiều chuyện thời sự sốt dẻo trong nước, ngoài nước giữa lúc phương tiện thông tin của ta lúc bấy giờ còn quá hạn chế. Trước yêu cầu ngày càng cao của bạn đọc, *Báo Nam Định kháng*

chiến có một bước cải tiến, mang cái tên mới *Công Dân*, chủ bút là nhà văn, nhà soạn kịch Trúc Đường. Thời kháng chiến, ông Trần Lê Văn cho biết, những hiện tượng tiêu cực ít khi xảy ra, mà nếu có thì báo chí cứ việc vạch mặt chỉ tên, không chút ngần ngại...

Có lần, trên Báo *Công Dân*, Trần Lê Văn viết một bài báo phản ánh thái độ hống hách, cửa quyền và hết sức tùy tiện của một cán bộ thuế vụ. Bài báo có đoạn rất sống động với giọng văn rần rỏi pha chút trào lộng: "...Ông phòng thuế cúi xuống viết, viết. Người đàn bà rầu rĩ lại kêu van. Ông phòng thuế lại ngẩng đầu lên: "Kêu nữa à! Thế thì 500". Ông phòng thuế lại cúi xuống viết, viết. Người đàn bà rầu rĩ lại kêu van. Ông phòng thuế lại ngẩng đầu lên: "Kêu nữa à! Thế thì 600"... Cứ mỗi lần bà kia kêu thì ông này lại tăng lên 100 đồng. Ai cũng biết việc đóng thuế là cần, để Nhà nước chi vào những việc công ích. Nhưng thu thuế theo kiểu của ông phòng thuế ấy thì thật là một "sáng kiến" kỳ lạ! Nửa tháng sau khi bài báo ra mắt, Tòa soạn Báo *Công Dân* nhận được một phong bì rất to. Mở ra, thấy số báo có

bài ông Văn viết về ông thuế vụ nọ. Cạnh bài báo có một vạch chì đỏ, kèm theo mấy chữ của Bác Hồ có ký tên Bác: *“Việc này hỏi chú Hiến”* (chú Hiến là ông Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Tài chính lúc bấy giờ). Cùng trong bì thư, có công văn của Phủ Chủ tịch: *“Yêu cầu các đồng chí điều tra lại việc này và cho biên chứng cứ cụ thể”*. Anh em Tòa soạn Báo Công Dân đã tìm đủ các tài liệu liên quan gửi lên Chính phủ, lên Bác Hồ trong tâm trạng phấn chấn, chờ đợi.

Mẫu chuyện kể trên tuy nhỏ, xảy ra đã lâu nhưng ý nghĩa thì thật lớn lao. Hẳn nhiều người có tuổi trong chúng ta còn nhớ, ngay sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập chỉ 15 ngày, ngày 17-9-1945, trong thư gửi các đồng chí tỉnh nhà Nghệ An, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo động tình trạng cán bộ ta: *“Có người hủ hoá, lên mặt làm quan cách mạng, hoặc là hành động độc đoán, hoặc là dĩ công dinh tư (lấy của chung làm của riêng). Thậm chí dùng phép công để báo thù tư (dùng pháp luật của Nhà nước để trả thù riêng), làm cho dân oán đến Chính phủ và đoàn thể. Những khuyết điểm trên, nhỏ thì làm cho dân*

chúng hoang mang, lớn thì làm cho nền đoàn kết lay động”. Và Bác liền kêu gọi: “*Chúng ta phải lập tức sửa đổi ngay!*”. Ở tình thế vận mệnh đất nước ngàn cân treo sợi tóc, dầu bận bịu trên cương vị lãnh đạo toàn dân toàn quân kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giành thời gian đọc nhiều tờ báo, loại báo, kể cả báo chí các địa phương. Không chỉ theo dõi động viên gương người tốt việc tốt, Bác còn quan tâm tỉ mỉ tới những vụ việc tiêu cực xảy ra hàng ngày được báo giới đem lên công luận. Không chỉ đọc kỹ, với những trường hợp bức xúc, đã thành thói quen Bác đánh dấu lên bài báo, yêu cầu xác minh, tìm hiểu thêm để qua đó nắm bắt toàn diện sự việc, từ bản chất, rồi tìm ra giải pháp phù hợp. Thì ra, ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp, báo chí cách mạng - dù chỉ là một tờ báo địa phương như Báo *Công Dân*, cũng đã trở thành một công cụ chính trị sắc bén của Đảng và nhân dân lao động.

Nói chuyện với các nhà báo tại Đại hội lần thứ 3 Hội Nhà báo Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết và nêu ra một ý kiến vô cùng

chuẩn xác về mối quan hệ qua lại, cần thiết giữa báo chí chống tiêu cực với những người được góp ý, phê phán. Bác nói: *“Những người ở bất cứ địa vị nào và những cơ quan được phê bình phải có thái độ thật thà, khiêm tốn. Phê bình đúng thì phải đăng báo nhận khuyết điểm và quyết tâm sửa chữa. Nếu phê bình sai thì đăng báo giải thích”*.

Ý kiến của Bác thật giản dị, không có câu chữ ý tứ nào lạ cả. Điều đáng lạ, là cho đến tận hôm nay, chúng ta vẫn chưa thực hiện đúng điều Người dạy, để nhân dân lao động còn thiếu tin tưởng vào chúng ta...

“CÁC NHÀ VĂN HÓA VIỆT NAM HÃY CHÚ Ý ĐẶC BIỆT ĐẾN NHỊ ĐỒNG”

Đây là tên bài phát biểu của Bác Hồ tại lễ khai mạc Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ nhất, tổ chức ở Hà Nội, ngày 24-11-1946 (nghĩa là sau ngày Bác đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam mới, chỉ sau 1 năm 2 tháng 22 ngày!).

Mở đầu bài nói, Người khẳng định những đóng góp của nhị đồng Việt Nam cho Cách mạng, trên địa hạt văn hoá: *“Nhị đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hoá. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình”*. Nói vậy sợ không cụ thể, không thuyết phục người nghe - nhất là những người lớn hay “coi thường”, “bắt nạt” trẻ con - Bác liền nêu ví dụ: *“Như cần tuyên truyền đời sống mới, cần*

chống tệ nạn mù chữ, các em diễn ngay được những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao!”. Rồi, sợ mình rơi vào chủ quan, thiên vị cho các cháu, Người đã phải thốt lên từ gan ruột: *“Hay là không biết có phải vì tôi thương nhi đồng mà tôi thấy thế?”*. Nghe hoặc đọc tới đây, tôi tin chắc nhiều người lớn sẽ không cầm được nước mắt, bởi cảm phục tấm lòng thương yêu nhi đồng Việt Nam của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh, và sẽ ân hận thấy mình bấy lâu hình như cũng chưa “đặc biệt chú ý” đến các cháu?!

Thế nhưng, kết thúc bài nói vồn vện 98 chữ ấy, để kêu gọi các nhà văn hoá nước nhà, Bác Hồ đã không nhân danh mình là lãnh tụ, là Chủ tịch một nước vừa giành được chủ quyền, độc lập. Rất tự nhiên và cũng đầy thuyết phục, Người đứng về phía các cháu nhi đồng mà phát ngôn, mà yêu cầu: *“Tôi xin thay mặt toàn thể thiếu nhi Việt Nam kêu gọi các nhà văn hoá hãy chú ý đặc biệt nhi đồng!”*.

Theo dõi *Biên niên sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, chúng ta được biết, trước buổi nói chuyện với Hội nghị Văn hoá toàn quốc (24-11-1946)

thì ngày 7-11-1946, Bác đã ra thông báo về việc nhận con các liệt sĩ về làm con nuôi; ngày 9-11-1946, vào lúc 20 giờ, Người dự dạ hội của thiếu nhi Thủ đô Hà Nội mừng Quốc hội; và tới ngày 18-12-1946, tại làng Vạn Phúc, Bác Hồ đã chủ tọa Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng, quyết định mở đầu cuộc Kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược, trên phạm vi toàn quốc!

THẾ NÀO LÀ ĐỜI SỐNG MỚI TRONG MỘT GIA ĐÌNH ?

Chỉ sau 2 năm Cách mạng tháng Tám thành công, năm 1947, Ủy ban Trung ương vận động Đời sống mới cho xuất bản cuốn sách mỏng *Đời sống mới* của tác giả Tân Sinh. Ngoài lời tựa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sách gồm 19 phần, mỗi phần được kết cấu theo lối hỏi và đáp, lời lẽ giản dị, khúc chiết với mục đích làm cho cán bộ, nhân dân lúc bấy giờ ai đọc cũng dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo.

Vậy, thế nào là Đời sống mới? “*Đời sống mới - tác giả Tân Sinh viết ở phần 2 cuốn sách - không phải cái gì cũ cũng bỏ hết. Không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ: Ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Thí dụ: Đơm cúng, cưới*

hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Thí dụ: Ta phải tương thân tương ái, tận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước. Cái gì mới mà hay, thì phải làm. Thí dụ: Ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc có ngăn nắp". Nói tóm lại, mục đích tối cao của Đời sống mới, theo tác giả, là: "Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn".

Ở phần thứ 10, tác giả cuốn sách đặt câu hỏi: Đời sống mới trong một nhà là như thế nào? Câu trả lời của Tân Sinh như sau: *"Mỗi người làm đúng theo Đời sống mới thì Đời sống mới trong một nhà cũng dễ dàng thôi. Cũng như mỗi viên đá trơ tru vững chắc, thì chỉ cần một ít vôi là đắp thành một bức tường tốt.*

Về tinh thần, thì phải trên thuận dưới hoà, không thiên tri, thiên ái. Bỏ thói mẹ chồng hành hạ nàng dâu, dì ghẻ ghét bỏ con chồng.

Về vật chất, từ ăn mặc đến việc làm, phải ăn đều tiêu đúng, có kế hoạch có ngăn nắp.

Cười hỏi giỗ Tết nên giản đơn, tiết kiệm.

Trong nhà ngoài vườn luôn luôn sạch sẽ gọn gàng. Đối với xóm giềng, phải thân mật và sẵn lòng giúp đỡ. Đối với việc làng việc nước, phải hăng hái làm gương. Người trong nhà ai cũng biết chữ. Luôn luôn cố gắng, nhà mình thành một nhà kiểu mẫu trong làng”. Xây dựng Đời sống mới trong một gia đình theo những tiêu chuẩn nêu trên, tác giả Tân Sinh cho là: “Không có gì khó, không cần tốn tiền, tốn công. Có chí là làm được. Mà một nhà như thế, nhất định đất nước phải phát đạt!”.

Những gợi ý xây dựng Đời sống mới trong một nhà nói riêng, một làng một nước nói chung, của tác giả Tân Sinh cho đến tận hôm nay, xem ra có cái chúng ta đang cố làm, và có nhiều cái chúng ta chưa làm được. Tôi nghĩ, các nhà hoạt động văn hoá, xã hội, giáo dục hiện tại nên xem *Đời sống mới* như một tài liệu tham khảo có giá trị mở đầu, khi hoạch định nhiều công việc của mình.

Công cuộc xây dựng Đời sống mới trên nước ta, từ thời điểm xuất hiện cuốn sách nói trên (1947), trải qua 2 cuộc kháng chiến chống

Pháp và Mỹ, thống nhất đất nước, rồi cả nước đi lên xây dựng CNXH... không thể nói chúng ta gặp nhiều thuận lợi. Tuy thế, Bác Hồ luôn theo dõi, động viên và tin tưởng sự nghiệp xây dựng Đời sống mới sẽ thành công. Ngày 10-9-1960, trong diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam, có đoạn Người nói: *“Nhân dân ta là nhân dân anh hùng. Trong kháng chiến, nhân dân ta anh dũng chiến đấu, hy sinh xương máu và giành được thắng lợi to lớn. Ngày nay, đấu tranh để xây dựng Đời sống mới, Xã hội mới và để hoà bình, thống nhất nước nhà, dù còn gặp nhiều gian khổ, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ toàn thắng!”*.

Để kết thúc, xin được nói thêm: Theo công bố của Tạp chí Cộng sản (5-1980), thì Tân Sinh, tác giả cuốn *Đời sống mới*, chính là một trong hơn một trăm bút danh của Bác Hồ!

“PHỤ NỮ PHẢI THAM GIA CHÍNH QUYỀN NHIỀU HƠN NỮ VÀ THIẾT THỰC HƠN NỮ”

Trong hồ sơ lưu trữ của UBND tỉnh Nghệ An, hiện còn bức thư - bản đánh máy - viết tháng 8/1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào tỉnh Nghệ An. Mở đầu là lời cảm ơn đồng bào quê nhà đã tặng Người “món quà” đặc biệt quý báu nhân dịp sinh nhật của Người. Đây là thành tích thi đua trong 4 tháng đầu năm 1949. Tiếp theo, Bác có mấy lời thân ái khuyên đồng bào.

Bác khuyên cán bộ, nhân dân quê nhà về thi đua (theo Người thi đua phải thiết thực, bền bỉ, rộng khắp); về dân quân tự vệ (phải tổ chức chặt chẽ, tập luyện hăng hái, vũ trang đầy đủ); về thanh toán nạn mù chữ (có 6 huyện đã làm tốt, nội trong năm phải xoá mù chữ các huyện còn lại); về phong trào hợp tác xã và tập đoàn đổi

công (những người phụ trách phải tháo vát, trong sạch, Đời sống mới ở thôn quê phải phát triển hơn nữa). Điều đáng chú ý ở bức thư này là, chỉ sau Cách mạng tháng Tám 1945 mấy năm, bề bộn những công việc quan trọng cấp bách phải làm, Bác Hồ đã không quên đề cao vai trò của nữ giới trong chính quyền Cách mạng. Người viết trong thư: *“Tôi rất vui lòng rằng xã nào cũng có phụ nữ tham gia Hội đồng Nhân dân. Phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa, và thiết thực hơn nữa”*.

Yêu cầu “phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa”, ngoài việc Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng vai trò của phụ nữ trong xã hội mới, còn nói lên điều này: Trong chính quyền Cách mạng, phụ nữ cần có ý thức rõ về mình, về lòng nhiệt tình đóng góp cho dân cho nước trên cương vị mới, cả về số lượng họ cần tham gia nữa. Nhưng điều quan trọng hơn là phải “thiết thực”, đã thiết thực rồi thì phải thiết thực hơn. Nghĩa là phải tính đến năng lực và hiệu quả hoạt động, tới chất lượng và phạm vi ảnh hưởng của nữ trong quá trình họ tham gia việc nước. Ở

đây, Bác dùng chữ “thiết thực” vừa giản dị, ai đọc cũng hiểu, vừa bao hàm một nội dung sâu rộng, lâu dài. Thiết thực còn đối lập với căn bệnh hình thức, được tiếng chị em “tham gia HĐND” cho có nam có nữ, chứ thực ra chưa hẳn đã cần thiết, đã xứng đáng, từ đó mà làm khổ chị em, làm khổ nhiều người khác nữa...

Thế giới đã trải qua bao biến thiên lịch sử, ở nước ta vai trò, vị trí người phụ nữ về cơ bản đã được đổi mới. Đó là một tất yếu, bởi vì cũng như Bác nói: *“Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng XHCN chỉ một nửa”* (1959), và cũng bởi vì *“Phụ nữ Việt Nam ta sẵn có truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù”* (1960). Những lời khuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi đồng bào Nghệ An cách đây hơn nửa thế kỷ, vẫn còn nóng hổi giá trị nhân văn và thời sự!

BÁC HỒ NGHE... THƠ VỀ BÁC

I

Ông Vũ Kỳ, người rất gần gũi với Bác Hồ, kể lại cho nhà thơ Minh Huệ mẩu chuyện sau đây. Bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” vừa ra đời (1951) đã được phổ biến rộng rãi qua đài, báo; các tầng lớp nhân dân, cán bộ, chiến sĩ yêu thích và truyền tụng bài thơ như một câu chuyện kháng chiến thấm thía và có thật.

Hôm ấy, trong Phủ Chủ tịch, vào khoảng 7 giờ tối, ông Vũ Kỳ lên nhà sàn xin gặp Bác. Theo thói quen, ông cẩn thận bỏ guốc, bước nhẹ lên thang gác để khỏi ảnh hưởng đến Bác. Vừa đến cửa cũng là lúc chiếc đài bán dẫn trên bàn làm việc của Bác phát đi bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” của nhà thơ Minh Huệ. Ông Vũ Kỳ liền đứng im, muốn theo dõi cử chỉ, thái độ của Bác lúc này ra sao? Là người khiêm tốn, tế nhị

nên hiếm khi Người nhận xét cụ thể những tác phẩm về mình. Nhưng, có thể lần này sẽ khác chăng? Bác chăm chú nghe, thỉnh thoảng lại nở một nụ cười. Có cảm giác Bác đang cảm thông, thấu hiểu và chia sẻ phần nào với hiện thực kháng chiến sống động phản ánh qua bài thơ mà Bác cũng là một nhân vật văn học; Bác cảm thông, thấu hiểu và chia sẻ phần nào với tấm lòng thành kính và ý tưởng nghệ thuật của một nhà thơ thời kháng chiến.

Lời ngâm vừa dứt, một phút sau, làm như không hay biết gì, “khách” mới gõ cửa xin Bác cho vào. Chỉ thấy nét mặt Người vui vui... Còn tuyệt nhiên, Bác không nói lời nào về bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*” vừa được ngâm qua đài.

Ông Vũ Kỳ còn “tiết lộ” cho nhà thơ Minh Huệ biết thêm: Một lần khác sau đó, khi chiếc đài vừa giới thiệu bài thơ “*Đêm nay Bác không ngủ*”, Bác Hồ liền vắn lại cho tiếng thật nhỏ, tỏ ý không muốn nghe nhiều lần một tác phẩm ca ngợi mình. Còn với Minh Huệ - ông Vũ Kỳ nhìn nhà thơ âu yếm - chỉ với nụ cười kia của Bác,

cũng đủ là một phần thưởng vô giá cho một đời cầm bút!

II

Sử sách còn ghi và không ít người dân, cán bộ trong chúng ta còn nhớ: Vào trung tuần tháng 10 năm 1962, Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do GS. Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu, ra thăm miền Bắc. Trong 12 ngày ở lại, đoàn được Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, cùng nhiều đoàn thể nhân dân miền Bắc tiếp đón thân tình như những người con đi xa lâu ngày, giờ mới có dịp gặp lại. Biểu lộ tình cảm sâu sắc, chân thành của bản thân đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, Bác của chúng ta đã có một câu nói iới tiếng vào dịp này. Người chỉ tay vào phía trái ngực mình: *“Hình ảnh của miền Nam yêu quý uôn ở trong trái tim tôi!”*. Trong Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, có nhà thơ Thanh Hải. Tại một phiên họp Quốc hội mà đoàn vinh dự được mời tham gia, giờ giải lao, các đại biểu vây

quanh lấy đoàn thăm hỏi, hàn huyên... Bác Hồ bước đến, kéo nhà thơ tới gần mình, rồi giới thiệu:

- Các chú có biết chú này không? Chú này là miền Nam trọ trẹ đây (ý chỉ Thanh Hải là người Thừa Thiên - Huế).

Nói xong, Bác cười và bảo nhà thơ ngâm cho Bác nghe một bài thơ. Xúc động quá, một lát sau Thanh Hải mới thốt nên lời:

- Dạ, cháu xin ngâm mời Bác nghe bài thơ “*Cháu nhớ Bác Hồ*”:

*Đêm nay bên bến Ô Lâu
Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ
Nhớ hình Bác giữa bóng cờ
Hong hào đôi má, bạc phơ mái đầu...*

Khi tác giả ngâm tới đoạn: “*Càng nhìn càng lại ngẩn ngơ / Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn*”, thì Thanh Hải đột ngột quên, không ngâm tiếp được nữa. Thấy nhà thơ lúng túng, Bác Hồ liền ôm lấy đứa cháu miền Nam thương yêu của mình, hôn lên má và âu yếm:

- Đây, hôm nay thì Bác hôn thật đây này!

Năm 1980, nhà thơ Thanh Hải qua đời, nhưng bài thơ lục bát *“Cháu nhớ Bác Hồ”* (viết năm 1956) vẫn còn mãi được nhắc nhở. Và chắc chắn, một trong những hạnh phúc hiếm hoi của đời ông là được đọc thơ viết về Bác mời Bác nghe, còn được Bác ôm hôn nữa. Trong bài viết: *“Được Bác săn sóc, được Bác phê bình”* (sách *Bác Hồ với văn nghệ sĩ* của nhiều tác giả, NXB. Tác Phẩm Mới, 1980), có đoạn nhà thơ Thanh Hải như reo lên: *“Trời ơi, tôi sướng quá và may sao một nhà nhiếp ảnh đã kịp ghi lại phút thiêng liêng đó. Đến hôm nay, mỗi lần giở tấm ảnh ra, tôi vẫn thấy như còn ấm hơi Bác!”*.

CÂU CHUYỆN CỦA TÌNH NGƯỜI

Ở chiến khu Việt Bắc cuối tháng 10 năm 1951, Bác Hồ có chuyến đi thăm một lớp học khoá hai, của Tổng cục Chính trị thuộc Bộ Tổng tư lệnh. Cùng đi với Bác lần này có đồng chí hiệu trưởng nhà trường.

Qua khỏi cánh rừng, tới ven bờ suối, Bác bỗng dừng lại trước một phụ nữ người dân tộc Tày, đang vừa chăn trâu vừa bế một cháu nhỏ bụng bẫm. Rất đỗi trù mến, Người nhìn cháu bé rồi dùng tiếng Tày bảo chị cần giữ ấm cho cháu bởi gió núi mưa ngàn dễ khiến bé bị cảm lạnh. Chị người Tày vâng lời Bác, vội bế con dẫn trâu lui vào bản.

Trên đường đi tiếp, Bác còn ân cần hỏi chuyện đồng chí hiệu trưởng:

- Chú được mấy cháu?

- Dạ, thưa Bác, được hai cháu ạ. Cháu trai tên Thu Sơn, cháu gái tên Thu Thủy.

Bác cười hiền hậu và khen động viên:

- Tên các cháu đẹp thật! Chú là nhà văn nên thích núi mùa Thu, nước mùa Thu. Ở thôn nọ, Bác từng gặp một gia đình nông dân, bà con đặt tên cho các cháu là Khoai và Thóc - Nguyễn Thu Khoai và Nguyễn Thu Thóc. Nghe vậy, cũng hay hay.

Cả hai Bác, cháu cùng cười. Bác lại hỏi:

- Thím ấy hiện làm gì?

- Dạ, thưa Bác, các cháu ở nhà còn nhỏ nên nhà cháu luôn bận bịu việc chăm nom các cháu ạ!

Một thoáng ái ngại hiện trên gương mặt Người. Rồi Bác chậm rãi như vừa phân tích vừa khuyên nhủ đồng chí cán bộ cùng đi với mình:

- Chú phải tính sao để giao công tác cho thím ấy. Tùy năng lực mà giao. Đánh máy, kế toán, hay cấp dưỡng... Phụ nữ phải được sinh hoạt trong một tổ chức, nếu không họ dễ bị lạc

hậu. Mà khi đã lạc hậu, thì sắc đẹp, tình yêu cũng khó mà giữ, chú ạ!

Còn nhớ có lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên dương: *“Phụ nữ Việt Nam ta sẵn có truyền thống đấu tranh và lao động cần cù”*. Cái vốn truyền thống quý báu đó không phải “nhất thành bất biến” nên phải thường xuyên khơi gợi, đánh thức, nuôi nấng, bảo vệ và phát huy. Tại Hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình, tổ chức ngày 10 tháng 10 năm 1959 ở Thủ đô Hà Nội, Bác chỉ rõ một sự thật mà không phải ai cũng ý thức rõ được: *“Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ, thì không giải phóng một nửa loài người”*. Từ đó, Bác cảnh tỉnh chúng ta: *“Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”*.

Đúng quá! Mẫu chuyện nhỏ kể trên, cách đây đã hơn nửa thế kỷ, nay còn gợi mở một nhận thức có giá trị thời sự: Sự nghiệp quan tâm và giải phóng phụ nữ nước ta - ở miền núi cũng như miền xuôi - phải nhất quán giữa Nói và Làm (không phải nói suông, hay nói một đằng làm

một nẻo); và trong khi làm thì cần hết sức chú ý tới những việc thiết thực cụ thể, thậm chí cả những việc lặt vặt khi ngỡ như vụn vặt nữa (chứ không nên dừng lại ở những việc to tát, dễ thấy, dễ báo cáo)... Có thể nói, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc quan tâm và giải phóng phụ nữ từ lâu đã trở thành câu chuyện của tình người.

ĐIỆN BIÊN PHỦ TRONG TÂM NHÌN CỦA BÁC

Thuộc tỉnh Lai Châu, giữa một vùng rừng núi Tây - Bắc, gần biên giới Việt - Lào, Điện Biên Phủ nằm trên ngã ba của nhiều đường giao thông quan trọng, nối liền các tỉnh miền Tây Bắc nước ta và đi Lào. Bởi vậy, có thể khẳng định Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược quân sự hết sức lợi hại đối với toàn bộ chiến cuộc Đông Dương.

Được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, năm 1953, thực dân Pháp đã xây dựng tại Điện Biên một tập đoàn cứ điểm quân sự với kết cấu chặt chẽ, phòng ngự cân mật, vũ khí tối tân, và quân số tập trung tại đó lên tới 16.200 tên. Âm mưu của chúng là thu hút quân chủ lực của ta vào chiến trường Điện Biên, từ đó mà xoay chuyển tình thế khốn quẫn của giặc Pháp trên khắp chiến trường Đông Dương lúc bấy giờ.

Vào tháng 12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ra quyết định tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Sau gần 4 tháng gấp rút chuẩn bị, ngày 13-3-1954, bộ đội Cụ Hồ bắt đầu nổ súng tấn công. Sau 55 ngày đêm liên tục chiến đấu mưu trí, quả cảm, đầy hy sinh, vào chiều ngày 7-5-1954, lá cờ Quyết chiến quyết thắng của quân ta đã hiên ngang cắm trên nóc hầm sỏ chỉ huy của địch. Tướng Đờ Cát ra hàng, một vạn sáu ngàn tên giặc bị giết và làm tù binh. Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ!

Là vị “Tổng tư lệnh tối cao” của toàn quân, của cả dân tộc, chỉ sau chiến thắng Điện Biên Phủ 5 ngày, ngày 12-5-1954, Bác Hồ sáng tác bài thơ “*Quân ta toàn thắng ở Điện Biên*”. Bút pháp ở bài này gần với báo chí nhưng tâm hồn người viết thì đầy hào sảng. Đây là đoạn thơ cuối:

*Thế là quân ta đã toàn thắng
Toàn thắng là vì rất cố gắng
Chiến sĩ viết thư lên Bác Hồ*

*Xin Bác vui lòng mà nhận cho
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác
Chúng cháu cố gắng đã sắm được!*

Sử liệu còn cho chúng ta biết: Đáp lại tấm lòng các chiến sĩ Điện Biên, cũng trong ngày 12-5 này, Bác Hồ gửi thư tới toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở khắp mặt trận Điện Biên Phủ. Người nhắc nhở không được chủ quan khinh địch, phải luôn sẵn sàng chiến đấu để giành thắng lợi hơn nữa. Và Người hứa sẽ tặng thưởng cho các cán bộ, chiến sĩ tham gia chiến dịch Điện Biên huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên”. Đối với bộ đội mình thì thế, còn đối với binh sĩ Pháp trong đó có nhiều thương binh, thái độ, quan điểm của Bác như thế nào? Điều này, Bác Hồ viết rõ trong loạt bài báo mang tên “*Mẩu chuyện Điện Biên*” in gần như liên tục trên 6 số Báo Cứu quốc vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 1954: “*Ta tiêu diệt và bắt sống hơn 16.000 binh sĩ Pháp, trong đó có độ 1000 thương binh. Khắp thế giới đều biết chính sách nhân đạo của ta đối với thương binh (và tù binh) địch*”. Ta thì vậy, còn bọn chỉ huy địch đối với thương binh Pháp thì thế nào? Trong

loạt bài báo vừa nêu, có đoạn Bác vạch trần chân tướng dã thú, vô nhân đạo của quan thầy chúng, vào thời điểm chót: *"Hãng thông tấn U.P Mỹ (7-5) viết: Hơn 1000 thương binh quần quai dưới hầm tối đen và ngạt thở, bên cạnh sở chỉ huy Pháp... Đến phút cuối cùng, tướng Đờ Cát đã ra lệnh cho súng lớn bắn vào sở chỉ huy"!?*

Sau 50 năm bôn ba đó đây tìm đường cứu nước, làm nên Cách mạng tháng Tám và chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 6 năm 1957, lần đầu trở về thăm quê hương Nghệ An, Chủ tịch Hồ Chí Minh có dịp nói chuyện với Hội nghị đại biểu nhân dân tỉnh nhà. Bài nói có đoạn: *"Trong kháng chiến, tỉnh nhà đã có hơn 8 vạn thanh niên vào bộ đội, hơn 1 vạn 5 ngàn dân quân du kích, hơn 1 triệu dân công phục vụ kháng chiến trong đó có 96 đơn vị và cá nhân đã có thành tích vẻ vang, được Chính phủ khen thưởng".* Và Bác đã trân trọng ghi nhận: *"Do sự đoàn kết và cố gắng ấy mà tỉnh ta đã góp một phần xứng đáng vẻ vang cho cuộc kháng chiến thắng lợi. Cả thế giới đều nghe tiếng, kính phục nhân dân ta!"*.

*Kháng chiến ba ngàn ngày
Không đêm nào vui bằng đêm nay
Đêm lịch sử, Điện Biên sáng rực
Trên đất nước, như huân chương trên ngực
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng
Điện Biên vui với nghìn trùng
Mà lòng bốn biển nhịp cùng lòng ta...*

(Tố Hữu - Hoan hô chiến sĩ Điện Biên)

Chiến thắng Điện Biên Phủ trong niềm hân hoan của cả dân tộc ta, trong tầm nhìn của Bác Hồ cũng như của những người có lương tri trên khắp hành tinh vẫn là một tất yếu lịch sử, một sự kiện mà tầm vóc, ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi một đất nước, một giai đoạn. Có lẽ bởi thế, nên Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh - Võ Nguyên Giáp đã và mãi mãi còn là đề tài thời sự đầy hào hứng, đối với nhiều thế hệ người Việt Nam và bè bạn thế giới!

BÀI BÁO NÊU GƯƠNG MỘT LIỆT SĨ CỦA XỨ NGHỆ

Đây là Anh hùng - Liệt sĩ Phan Đình Giót. Anh sinh năm 1922, quê làng Vĩnh Yên, nay thuộc xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Gia đình anh sống rất nghèo, cha mất sớm, năm 13 tuổi anh Giót phải đi ở để kiếm sống. Năm 1950, anh vào bộ đội chủ lực, tham gia đánh đồn Trảng Bạch, quốc lộ 18; bị thương nặng anh vẫn xin ở lại chiến đấu, tiếp tục tham gia chiến dịch Trung Du (1950), rồi chiến dịch Hoà Bình (1951), hoạt động trong vùng địch chiếm dưới chân núi Ba Vì.

Cuối năm 1953, Phan Đình Giót lên Tây Bắc tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Là tiểu đội phó bộ binh, đại đội 58 (thuộc tiểu đoàn 428, trung đoàn 141, Đại đoàn 312), vào chiều 13-3-1954, anh Giót cùng đại đội 58 mở đường máu

để tấn công cứ điểm Him Lam. Tại đây, anh đã chiến đấu rất mưu trí, quả cảm, và hy sinh anh dũng, để lại hình ảnh bất tử: Lấy thân mình lấp kín lỗ châu mai của địch, dập tắt được hoả điểm nguy hiểm nhất, tạo cơ hội cho đồng đội tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam!

Ngày 31-8-1955, Phan Đình Giót được truy tặng Huân chương Quân công hạng Nhì và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Nhưng trước đó, trên Báo *Nhân Dân* ra ngày 20-11-1954, Bác Hồ đã có bài báo *“Nhớ người chiến sĩ anh hùng”*. Mở đầu, Bác viết: *“Trong lúc vui mừng Thủ đô giải phóng, chúng ta càng nhớ đến công lao của bộ đội ta, nhớ đến những chiến sĩ anh hùng đã hy sinh vì nhân dân, vì Tổ quốc. Đây là một trong trăm nghìn gương oanh liệt tỏ rõ tinh thần anh dũng của bộ đội ta...”*.

Rồi, với lối viết giản dị, hàm súc, xúc động, tác giả bài báo nhắc lại cho “người hôm nay” cảnh ngộ, những chiến tích của liệt sĩ Phan Đình Giót, đặc biệt là trận đánh tiêu diệt cứ điểm Him Lam - Điện Biên Phủ. Và để kết thúc bài viết chỉ hơn 400 chữ này, Bác tái hiện lại những hình ảnh

hào hùng, đồng thời làm thơ lấy Kiều vừa ghi nhận, vừa nhắc nhở xa gần: *“Trong khói lửa nghi ngút, bộ đội ta đã nghiêng mình trước đồng chí Giót, vì anh hùng đã hy sinh oanh liệt để mở đầu cuộc đại thắng ở Điện Biên Phủ mà tiếng tăm đã vang lừng khắp thế giới.*

Hy sinh vì nước là thơm

Những phường giá áo túi cơm sá gì!”

Bút danh C.B được ký dưới bài *“Nhớ người chiến sĩ anh hùng”* in năm 1954. Hẳn phải nhiều năm sau đó nữa, nhiều người trong chúng ta mới vỡ lẽ: C.B chính là một trong hơn 100 bút danh của Nhà báo Hồ Chí Minh!.

CÁC CHÁU MỒ CÔI TRONG TÌNH THƯƠNG BÁC HỒ

Tình cảm giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiếu niên, nhi đồng Việt Nam và thế giới, nếu kể ra thì không có bút giấy nào tả cho hết! Tình cảm Bác giành cho các cháu mồ côi, không nơi nương tựa, lại càng có nét đặc biệt.

Sử sách còn ghi ngày 7-11-1946, Bác Hồ ra thông báo cho toàn dân về việc nhận con của các liệt sĩ về làm con nuôi. Đây là một nghĩa cử cao quý góp phần động viên các chiến sĩ yên tâm ra trận. Bác còn đích thân đến thăm các cháu mồ côi có hoàn cảnh đặc biệt, vào buổi sáng ngày 31-1-1957 (tức ngày mùng Một Tết năm Đinh Dậu). Sau khi thăm và chúc Tết một số gia đình cơ sở cách mạng ở thôn Phú Gia, xã Phú Thượng, Từ Liêm; thăm và chúc Tết một số đơn vị bảo vệ Thủ đô, Người đã đến thăm Trại trẻ mồ

côi mang tên Kim Đồng tại xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, Hà Đông (nay là tỉnh Hà Tây). Nơi đây nuôi nấng dạy dỗ gần 500 trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Bác Hồ vào xem căn kẽ nơi nghỉ ngơi, ăn học của các cháu, khu bếp, phòng ăn của trại. Người căn dặn anh chị em cấp dưỡng phải cố gắng giữ vệ sinh, chăm diệt ruồi, lau rửa bàn ăn cho sạch sẽ. Bác đi thăm ruộng mía, vườn xu hào do các cháu tự trồng quanh trại. Người có phần bằng lòng về những thành tích học tập, sản xuất và tiết kiệm của các cháu. Được biết các cháu mồ côi đều có áo ấm, Người phấn khởi. Đứng trước đàn cháu riu rít, nô đùa vây quanh mình, Bác đã chia quà, rồi không quên chúc các cháu một năm mới biết đùm bọc thương yêu nhau, chăm học chăm làm, ăn ở sạch sẽ, góp sức nhỏ của mình cho đất nước...

Trong chuyến thăm trại trẻ mồ côi mang tên Kim Đồng lần này, có mấy mẩu chuyện đã được nhà văn Sơn Tùng kể lại rất cảm động, trong cuốn sách *Hoa râm bụt* (NXB Thanh Niên - 1999). Xin được ghi lại đây giúp bạn đọc.

Mẩu chuyện thứ nhất: Ngay từ phút đặt

chân đến cổng trại, nhìn bờ rào dây thép gai, trong mắt Bác Hồ đã hiện lên sự nhức nhối. Giọng nhẹ nhàng nhưng trách móc, Bác nêu thắc mắc với các cán bộ phụ trách:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên Liệt sĩ Kim Đồng. Sao các cô các chú lại rào dây thép gai như một nhà tù thế này?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của chế độ cũ để lại đấy ạ!

Bác lắc đầu:

- Các cô các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay! Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta thì phải nuôi dạy vì tương lai của các cháu!

Mẫu chuyện thứ hai: Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: “Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn... - Bác hỏi cán bộ phụ trách trại - còn thế nào, các cô các chú có biết không?”.

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. Rồi chú Thuận mạnh dạn đáp:

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ?

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô các chú ở đây là bố là mẹ của các cháu. Các cô các chú nuôi dạy các cháu phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu, còn cái vẻ “trại lính”, thiếu cái ấm áp của gia đình. Dạy cho các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật, trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái tươi vui, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các “ông cụ non”. Các cô các chú phải làm sao cho các cháu thấy Trại trẻ mồ côi Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu thấy nhớ, lúc ở các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu?!

Mẫu chuyện thứ ba: Sau khi căn dặn các cô chú trông nom Trại trẻ mồ côi, đột nhiên Bác Hồ lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không?
- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ!.
- Nhiều là bao nhiêu?

Đồng chí phụ trách trại hơi bối rối, Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái hay, cái dở của mỗi cháu. Như vậy thì việc dạy dỗ mới có kết quả tốt được!

Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Chú cho Bác gặp cháu nào yếu kém nhất trại!

Em Quốc khoanh tay đứng trước Bác. Bác cúi xuống vuốt ve nhẹ nhẹ tóc em. Rồi Bác hỏi:

- Tên cháu là gì?
- Thưa Bác, tên cháu là Quốc “lùi” ạ!

Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy?
- Dạ thưa Bác, các bạn gọi cháu thế ạ!
- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc “lủi”?
- Thưa Bác... cháu... cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các ngõ phố ạ!.
- Sao các cháu không chịu ở trong trại, mà lại hay trốn ra bên ngoài?
- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ!
- Khổ cực như thế nào?
- Dạ, chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ?
- Cháu nói rõ sự gò bó như thế nào cho Bác nghe?
- Thưa Bác...

Em Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói nên lời. Bác xoa đầu em. Bác đã thấu hiểu tất cả cho dù Quốc chưa nói ra được những điều em muốn thưa với Bác. Bác khuyên Quốc: “Từ nay, cháu phải phấn đấu bỏ cái tên “lủi”, chỉ giữ lại cái tên Quốc...!”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má em. Đoạn, Bác

Hồ âu yếm cầm tay em Quốc cùng đi ra chỗ cả trại đang tập hợp.

Ngày 31-1-1957 ấy mãi mãi trở thành một ngày đáng nhớ của cán bộ, nhân viên Trại trẻ mồ côi Kim Đồng, là dấu ấn không phai mờ trong đời mỗi cậu bé cô bé của trại. Giữ đúng lời hứa hôm nào, ngày 21-1-1966, tức ngày mồng một Tết năm Bính Ngọ, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở lại thăm, chúc Tết Trại trẻ mồ côi Kim Đồng một lần nữa... Đã đành, là với thiếu niên nhi đồng của nước Việt Nam còn nhiều gian nan, khốn khó thì cháu nào Người cũng thương yêu như nhau, đối xử, lo toan như nhau, nhưng đối với các cháu mồ côi không nhà không cửa, thiếu thốn tình thương yêu, che chở của cha mẹ, người thân trong gia đình, thì tấm lòng của Bác luôn có nét đặc biệt hơn, âu đó cũng là điều dễ hiểu, bởi : *“Người là Cha, là Bác, là Anh / Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”* (thơ Tố Hữu).

“TÔI NÓI THẬT, CÓ MẤT LÒNG KHÔNG”

Sau hơn 50 năm xa cách quê hương xứ Nghệ, kể từ lúc ra đi tìm đường cứu nước, ngày 14-6-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về thăm quê thăm lại ngôi nhà của mình tại Làng Sen, tiếp xúc với bà con lối xóm, sau đó Người xuống Vinh, nói chuyện với hơn 3.000 đại biểu, nhân dân tỉnh Nghệ An. Sang ngày hôm sau, Bác nói chuyện với Hội nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh.

Phần đầu bài nói, Bác Hồ thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ gửi lời chào thân ái tới cán bộ, nhân dân Hà Tĩnh, đồng thời nói rõ những đóng góp của địa phương những năm kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu hoà bình trên miền Bắc. Những đóng góp xuất sắc này đã làm cho *“nhân dân các nước bạn và nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới càng kính phục dân Việt Nam, trong đó nhân dân Hà Tĩnh cũng vẻ vang”*. Điều muốn nói, ở bài báo nhỏ này, là ý kiến của Bác về những khiếm

khuyết và hướng khắc phục mà Người ân cần và hết sức thẳng thắn chỉ ra.

Khi Bác hỏi: *"Các đại biểu có muốn nghe tôi nói những khuyết điểm không"*, thì cả hội trường đồng thanh đáp: *"Có ạ!"*. Bác hỏi tiếp: *"Sau 50 năm, lần đầu tiên tôi trở lại Hà Tĩnh. Tôi là khách, tôi nói thật, có méch lòng không?"*. Cả hội trường đồng thanh đáp: *"Không ạ!"*. Thế rồi, Bác đã chỉ ra trước hội nghị 4 khuyết điểm sau đây:

1. Đồng bào nông thôn, nhất là nông dân lao động, chưa đoàn kết chặt chẽ, đó là khuyết điểm quan trọng;

2. Ý thức bảo vệ của công còn kém;

3. Một số đồng bào chưa thật sốt sắng đóng thuế nông nghiệp đúng kỳ hạn;

4. Nhân dân nói chung, cũng như nhân dân Hà Tĩnh nói riêng, có một truyền thống tốt đẹp, nhưng hiện nay về thuần phong mỹ tục bị kém sút.

Muốn khắc phục sớm những khuyết điểm nêu trên, Bác Hồ chỉ ra 7 nhiệm vụ, trong đó nhiệm vụ "Đoàn kết" được đặt lên vị trí hàng đầu, khi đất nước ta bị chia cắt, miền Nam còn dưới chế độ Mỹ ngụy. Người nói: *"Đoàn kết*

chặt chẽ thành một khối thống nhất. Phải đoàn kết giữa lương và giáo, giữa quân và dân, giữa miền Bắc và miền Nam". Tiếp theo là việc chống lụt, chống hạn; tăng gia sản xuất; sẵn sàng đóng thuế, trả nợ và tích cực bán nông sản cho Chính phủ; bảo vệ tài sản Nhà nước; đề cao kỷ luật trong sản xuất và công tác; cuối cùng là cố gắng hơn nữa về bình dân học vụ.

Một điểm rất nhất quán trong phương pháp tư tưởng của Hồ Chí Minh là nhìn nhận sự việc, con người một cách toàn diện, cụ thể, và bao giờ cũng đề ra được phương hướng giải quyết thoả đáng những vướng mắc. Thấy mặt tốt đẹp, đóng góp nhưng quyết không che đậy mặt chưa tốt, tiêu cực. Chỉ ra mặt xấu, thì không phải để bi quan chán nản hoặc làm ngơ, mà phải tích cực khắc phục cùng tiến bộ... Bài nói của Bác với Hội nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh năm nào, còn gợi mở cho nhiều thế hệ cán bộ hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh bài học đắt giá về cái tâm đối với dân với nước, về sức mạnh đoàn kết và năng lực chỉ đạo sát sao, thẳng thắn, luôn yêu cầu cao của người lãnh đạo đối với các phong trào cách mạng trên quê hương...

BÁC HỒ NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ PHỤ TRÁCH THIẾU NHI

Tại Thủ đô Hà Nội, vào ngày 19-2-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và có bài nói chuyện khá dài (752 chữ, nên nhớ, những khi thật cần thiết, Người mới nói hoặc viết dài như thế) với Hội nghị các cán bộ phụ trách thiếu nhi toàn miền Bắc.

Mở đầu bài nói, Bác khẳng định ngay vị trí, vai trò của công tác giáo dục thiếu nhi trong chế độ mới: *"Công tác giáo dục thiếu niên, nhi đồng rất quan trọng, đó là nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho Tổ quốc"*. Nhiệm vụ "rất quan trọng" đó đặt lên vai nhiều người, nhiều cơ quan đoàn thể nhưng trực tiếp, có nhiều ảnh hưởng lại là các anh chị phụ trách thiếu nhi. Nghe báo cáo, Bác được biết các thiếu nhi miền Bắc có điểm tốt như biết đoàn kết, ham học tập, ham lao động,

trong sạch và thật thà. Đây, theo Bác không phải thành tích của riêng các cháu, mà đây còn là “thành tích của các cô chú, của gia đình và nhà trường”. Tuy thế, trong bối cảnh đất nước ta còn bị chia cắt, miền Bắc còn nghèo nàn, lạc hậu, nền giáo dục mới còn sơ khai nên tất cả còn phải cố gắng phấn đấu rất nhiều nữa! Bác thấy được “phân tích cực”, đồng thời còn thấy rõ “những khuyết điểm, nhược điểm” của phong trào thiếu nhi... Vậy nên, Người kịp thời đề xuất một số yêu cầu đối với cán bộ phụ trách thiếu nhi, về mục đích, đối tượng và phương pháp tiến hành trong quá trình tiếp cận để giáo dục các cháu nên người. Bác nói: *"Đối với trẻ em, phải giáo dục thế nào cho các cháu biết đoàn kết, ham học, ham làm, nhưng phải làm sao cho các cháu giữ được tính chất của trẻ con. Phải làm sao cho trẻ em có kỷ luật nhưng vẫn vui vẻ, hoạt bát chứ không phải khúm núm, đặt đâu ngồi đấy"*. Ở khía cạnh giáo dục thiếu nhi để vừa giữ được kỷ luật lại vừa hồn nhiên, vui vẻ thì hình như “có vấn đề”, Bác nói bổ sung: *"Khi giáo dục phải thiết thực, không làm cho các cháu thành những*

“con vẹt”, làm sao cho các cháu khi chơi là được học, mà trong khi học vui vẻ như được chơi”.

Mãi tới những năm gần đây, chúng ta mới nhận thức hết vai trò kết hợp - không thể vắng thiếu một thành tố nào - giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục tri thức cũng như nhân cách toàn diện cho các cháu. Thực ra, từ hơn nhiều năm về trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói chuyện với cán bộ phụ trách thiếu nhi, Người đã tha thiết đề cập tới: *“Giáo dục thiếu niên, nhi đồng là trách nhiệm của các cô, các chú, của gia đình, của nhà trường, của đoàn thể, của xã hội. Trẻ em trong như tấm gương, cái tốt dễ tiếp thu, cái xấu cũng dễ tiếp thu. Nếu nhà trường dạy tốt nhưng gia đình dạy ngược lại, sẽ có ảnh hưởng không tốt đến trẻ em và kết quả cũng không tốt. Cho nên, muốn giáo dục các cháu thành người tốt, nhà trường, đoàn thể, gia đình, xã hội đều phải kết hợp chặt chẽ với nhau”.*

Nói rộng ra là thế, nhưng đối tượng bài nói của Bác lúc bấy giờ là cán bộ phụ trách thiếu nhi,

thì cuối cùng Người cũng phải tập trung vào họ; động viên họ, đồng thời cũng giao trách nhiệm cho họ. Người nói: *"Các cô, các chú làm tròn được nhiệm vụ săn sóc, giáo dục các cháu, thành lớp người tốt của xã hội tương lai, là rất vẻ vang. Không phải cứ được đăng báo hay có huân chương mới là vẻ vang"*. Nói cần phải đi đôi với làm, tránh tình trạng khuyến bảo các cháu một đường, còn cán bộ phụ trách thì làm một nẻo, tuy tiện, không gương mẫu, dẫn tới hậu quả khôn lường cho cả phong trào! Sớm nhận ra điều này, cuối bài nói, Bác không quên nhắc nhở các cô các chú: *"Dạy các cháu thì nói với các cháu chỉ là một phần, cái chính là phải cho các cháu nhìn thấy, cho nên những tấm gương thực tế rất quan trọng. Muốn dạy cho trẻ em thành người tốt thì trước hết, các cô chú phải là người tốt!"*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng lớn, nhà văn hoá lớn; nhiều tên tuổi trên thế giới còn thừa nhận Bác Hồ là nhà giáo dục lớn, có tầm nhìn hết sức xa rộng. Cho đến cuối đời, trong *Di chúc* Người vẫn đau đáu chuyện "con trẻ", Bác viết: *"Bồi dưỡng thế hệ trẻ"*

cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết”. Những lời dạy bảo của Bác đối với các cán bộ phụ trách thiếu nhi thuở nào thật giản dị, thật khúc chiết, thấm sâu chân lý giáo dục truyền thống và hiện đại, dễ hiểu dễ làm theo... Tôi nghĩ, Bác đâu chỉ nói cho cán bộ phụ trách thiếu nhi nghe?! Các nhà lãnh đạo, nhà quản lý giáo dục, nhà giáo, nhà biên soạn sách giáo khoa, tất cả những bậc làm cha, làm mẹ... cũng đều có thể “đọc” được ở đây không ít “bài học” đích đáng cho bản thân!

“ĐẢNG TA LÀ ĐẠO ĐỨC, LÀ VĂN MINH”

Xem trong sử nước nhà, ai cũng đều được rõ: Từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, tại Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) diễn ra sự kiện Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, trên cơ sở đó thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị này có ý nghĩa như một Đại hội thành lập Đảng. Cuối Hội nghị, toàn thể đại biểu thông qua lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và toàn thể quần chúng bị áp bức bóc lột trong cả nước.

Như vậy, ngay từ những giờ phút đầu tiên chào đời, Đảng ta đã gắn bó số phận, vận mệnh của mình với số phận, vận mệnh của quần chúng lao khổ, mà người đại biểu phát ngôn ra điều thiêng liêng này không ai khác là Bác Hồ. Về

mối quan hệ giữa Đảng với Dân, Dân với Đảng. Bác vẫn còn sử dụng hình ảnh “nghìn lực sĩ” và “các nhi đồng” trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam (ngày 3-3-1951). Nhà văn Lỗ Tấn (Trung Quốc) có 2 câu thơ nổi tiếng, tạm dịch: *“Trợn mắt xem khinh nghìn lực sĩ / Cúi đầu làm ngựa cho thiếu nhi”*. Bác giải thích: *“Nghìn lực sĩ có nghĩa là những kẻ địch mạnh, thí dụ: lũ thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ. Cũng có nghĩa là những khó khăn, gian khổ. Các nhi đồng nghĩa là quân chúng nhân dân hiền lành, đông đảo. Cũng có nghĩa là những công việc ích quốc, lợi nhà. Đảng Lao động Việt Nam không sợ kẻ địch nào dù cho chúng hung tợn đến mấy, không sợ nhiệm vụ dù nặng nề, nguy hiểm đến mấy; nhưng Đảng Lao động Việt Nam sẵn sàng vui vẻ làm trâu ngựa, làm tôi tớ trung thành của nhân dân”*.

Kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng Lao động Việt Nam, năm 1960, đánh giá về sự kiện lịch sử trọng đại này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt*

*Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta
trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng".*
Trong lời khai mạc lễ kỷ niệm này, Bác có mấy
câu thơ:

*Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết
bao nhiêu tình*

*Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh
Là thống nhất độc lập, là hoà bình ấm no
Công ơn Đảng thật là to
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho
lịch sử bằng vàng!*

Bài thơ, theo tôi, nêu 2 ý chính: đánh giá
công lao của Đảng và chỉ rõ bản chất tốt đẹp của
Đảng, đồng thời đó cũng là phương châm, mục
đích phấn đấu lâu dài của Đảng ta. Khi đánh giá
những “phấn đấu” và “thắng lợi” của Đảng, Bác
so sánh với biển rộng, núi cao, với “một pho lịch
sử bằng vàng”. Tuy vậy, người nghe người đọc
rất tâm đắc cụm từ Bác dùng: “biết bao nhiêu
tình”. Cuối cùng, vẫn là cái tình - tình Đảng với

dân, tình đồng chí trong cùng Đảng với nhau, còn là cái tình giữa các Đảng anh em, bầu bạn trong một phe, cùng một thời đại không mấy yên bình. Hai câu: *“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh / Là thống nhất độc lập, là hoà bình ấm no”* đã khái quát cả bản chất, lẫn mục tiêu phấn đấu lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hai vế ĐẠO ĐỨC và VĂN MINH phải luôn đi liền kề với nhau, góp phần tôn tạo cho nhau để một đảng được trường tồn. Một đảng có Đạo đức mà cổ hủ, lạc hậu, dân tình đói kém thì rõ ràng không được rồi. Ngược lại, một đảng chỉ chú trọng Văn minh, chú trọng những tiến bộ vật chất để hưởng thụ, xa hoa trong khi kém cỏi về đạo đức, xa rời những tiêu chuẩn đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thì sớm muộn đảng đó cũng sẽ bị nhân dân và lịch sử đào thải. Bác khẳng định: *“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh”*. Bản chất của Đảng ta là vậy, 30 năm qua đã vậy, và phải làm sao để mãi về sau, Đảng ta vẫn giữ được Đạo đức Văn minh như vậy! Câu tiếp theo, Bác chỉ rõ hơn, Đảng ta còn là nhờ *“Thống nhất, độc lập, hoà bình, ấm no”*. Các

thành tố này không tách rời nhau, tạo điều kiện cho nhau, tuy thế có khi đất nước thống nhất, độc lập, hoà bình rồi mà nhân dân vẫn chưa được ấm no? Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1946, trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Uỷ ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, đã nhấn mạnh: *“Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”*. Đánh đổ giặc ngoại xâm đã khó, làm cho dân “no ấm” thì theo Bác Hồ, còn khó hơn. Biết thế, để Đảng lường hết sức mình, cố gắng hơn nữa, và không bao giờ được chủ quan. Nói chuyện với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm (ngày 9-12-1961), Bác nhắc nhở: *“Trước đây, Đảng ta tổ chức đánh Tây, đánh Nhật rất gian nan cực khổ. Nhưng so với trước, công việc bây giờ khó khăn hơn, phức tạp hơn. Bây giờ, Đảng ta phải làm nhiều chuyện: xây dựng nhà máy, xây dựng hợp tác xã, làm sao cho người nông dân, người công nhân*

ăn no, mặc ấm, làm sao cho nước càng mạnh, dân càng ngày càng giàu... ”.

Nhờ có Đạo đức - Văn minh, Đảng ta mới từng bước vững chắc dẫn dắt nhân dân ta đi tới bến bờ của thống nhất, độc lập, hoà bình, no ấm và Đảng ta mới ngày càng thật sự là Đảng của Đạo đức - Văn minh. Tôi cho rằng, cái hay cái sâu thẳm trong 2 câu thơ của Bác chính là ở chỗ này. Bởi thế, chỉ cần một lối diễn đạt nôm na, gần như nói, mà hàng triệu người dân và cán bộ đã nhập tâm, thành câu nói đầu cửa miệng của họ...

Còn nhớ ngày 19-5-1999, tại Hội trường Ba Đình - Hà Nội, Đảng và Nhà nước ta tổ chức mít tinh kỷ niệm 109 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và 30 năm thực hiện Di huấn của Người. Tại đây, đã có bài diễn văn được xem là một cái mốc quan trọng, phát động cuộc vận động lớn về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta nói chung, mỗi đảng viên nói riêng mãi mãi giữ được vẹn toàn phẩm chất Đạo đức và Văn minh đã từng đánh đổi bằng mồ hôi và máu của mình!.

LÀM CHỦ TỊCH NƯỚC KHÔNG PHẢI LÀM VUA

Nhiều cán bộ lão thành và nhân dân Nghệ An còn nhớ mãi mẩu chuyện cảm động sau đây. Ngày 8-12-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong chuyến thăm quê hương lần thứ 2, đã về thăm xã Vĩnh Thành (Yên Thành), một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với cán bộ và nhân dân. Trời gần trưa, tuy đã sang mùa đông mà nắng vùng Nghệ còn khá gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng, ai cũng băn khoăn mà thương Bác. Đồng chí chủ tịch huyện Yên Thành cử người tìm mượn được chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác. Bỗng, Bác quay lại hỏi:

- Thế, chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi, cất đi! Bác có phải là vua đâu?

Người tự khẳng định mình không phải là

“vua”, làm Chủ tịch nước dứt khoát không phải làm vua một nước, làm một “ông quan liêu” bắt dân phải nghe lệnh của mình, phải hầu hạ mình! Trong tài liệu *“Cần tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh”* viết ngày 2 tháng 9 năm 1951, Bác Hồ đã “kê đơn” cách chữa bệnh ấy. Theo Bác, thì có một nguyên tắc là *đi đúng đường lối nhân dân*, và 6 điều là: 1. Đặt lợi ích nhân dân lên trên hết; 2. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; 3. Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; 4. Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; 5. Sẵn sàng học hỏi nhân dân; 6. Tự mình phải làm gương mẫu Cần - Kiệm - Liêm - Chính để nhân dân noi theo.

Câu chuyện Bác Hồ về thăm xã Vĩnh Thành năm ấy, đến nay những cử chỉ và lời nói của Người vẫn còn tươi mới, trường tồn như màu xanh cây trái quê ta!

AI GIÚP MÌNH MỘT CHÚT CŨNG KHÔNG ĐƯỢC QUÊN ƠN

Người Trung Hoa có câu châm ngôn: “*Đem việc làm dạy người thì người ta leo. Chỉ đem lời nói mà dạy người, thì người ta không phục*”. Nhiều quan khách nước ngoài, án bộ, chiến sĩ, đồng bào ta có dịp gặp Bác Hồ gần gũi và làm việc với Bác đều có chung nhận xét: Người nói ít, nhưng làm nhiều; có những án đề thuộc về đạo đức, Người chỉ lặng lẽ làm mà không nói đến bao giờ. Mẩu chuyện sau, là một trong vô vàn dẫn chứng “*làm mà không ỏi*” của Bác.

Gần Tết Nguyên Đán năm 1965, Bác Hồ gọi một đồng chí chiến sĩ ảnh vệ lên gặp Người. Chỉ vào trong chậu nước có 2 con cá mè - mỗi con nặng chừng 2kg, do 1 người nuôi - Người ôn tồn dặn: “*Chú đem 2 con cá này đến tặng chú Trần Vĩnh Xương, Giám đốc Nhà máy Cơ khí*”

Bộ Nội thương, giúp Bác”. Người cảnh vệ hiểu ra ngay, liền hỏi lại: “Thưa Bác, có phải cái ông Xương đã thiết kế chiếc giường của Bác?”. Bác gật đầu, rồi ra hiệu cho đồng chí cảnh vệ đi làm nhiệm vụ. Trần Vĩnh Xương là người thợ đã theo yêu cầu của Bác “sáng tác” ra một kiểu giường đơn giản, tiện lợi: Giường rộng 1,2m, không chạm trở gù, 4 chân hơi xoắn ra, trên lát một tấm gỗ mộc khi cần có thể trải chiếu nằm, rất mát. Bác Hồ thường nằm trên chiếc giường này để suy nghĩ, đọc sách báo, ngắm cây cỏ, đất trời... Ít lâu sau, nhân một buổi được gần Bác cùng tâm sự, người cảnh vệ nói: "Thưa Bác, ông giám đốc ấy làm chiếc giường là làm theo chức trách phân công. Chứ có phải Bác nhờ riêng đâu, mà mình phải đem cá tặng người ta?" Bác ngẩng đầu lên, hơi ngạc nhiên. Đồng chí hiểu ra, vội thành thực thốt lên: “Cháu xin lỗi Bác!”

Thế đấy. Đối với người Công dân Hồ Chí Minh, cũng như với Chủ tịch Hồ Chí Minh, ai giúp đỡ mình, dù chỉ một chút xíu thôi, cũng không được phép quên ơn!

ĐÓN BÁC VÀ ĐƯỢC BÁC ĐÓN

Chuyện cũ còn kể lại rằng, năm 1953, tại chiến khu Việt Bắc, Trung ương Hội Phụ nữ có tổ chức mời Bác Hồ tới thăm và nói chuyện. Trước đó, vì quá vui mừng nên chị em hô hào đôn đốc nhau quét dọn trong nhà, ngoài ngõ sạch sẽ tinh tươm, cổng chào thì kết lá, cài hoa, còn treo cả dòng khẩu hiệu “Hồ Chí Minh muôn năm”. Chị em, ai cũng chọn mặc bộ quần áo đẹp nhất. Đúng buổi Bác đến thì xếp thành hai hàng từ cổng vào nhà theo kiểu “hàng rào danh dự”. Xong xuôi, tất cả đều hồi hộp chờ Bác. Chờ mãi, vẫn chưa thấy bóng Bác đâu?

Bỗng, có tiếng gọi to: “Bác ở trong này rồi!”. Thế là cả hai “hàng rào danh dự” chạy vào, đã thấy Bác đang thăm vườn rau, xem giếng nước...

Bước ra phía cổng, Bác ân cần: “Chào các cô

các cháu. Vào nhà thấy vắng, Bác đoán ngay là tất cả đang ở ngoài này”. Khi vào trong hội trường, Bác hỏi ngay: “Các cô các cháu đón ai thế?”. Mọi người có mặt ngớ ra, chưa rõ ý phía sau câu Bác hỏi, nên thành thật trả lời: “Thưa Bác, chúng cháu đón Bác đấy ạ?”. Nghe xong, Bác cười: “À, ra thế. Bác, chứ có phải là vua, quan đâu mà phải sửa soạn, đưa đón cầu kỳ thế kia?”. Nhưng rồi nghĩ thương các cháu mình, sợ các cháu mất vui, Bác nhanh ý “rẽ” sang hướng khác: “Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên, hay chỉ được mỗi một ngày hôm nay thôi đấy?”. Bấy giờ, chị em trong Hội Phụ nữ mới “hoàn hồn” để tiếp tục câu chuyện với vị Chủ tịch nước mà từ lâu họ hằng yêu kính: “Dạ, thưa Bác thường xuyên ạ?”. Bác cháu cùng cười vui vẻ...

Thắng Pháp, miền Bắc hưởng hoà bình chưa được bao lâu thì cả nước ta phải đương đầu với cuộc chiến tranh huỷ diệt của đế quốc Mỹ. Phụ nữ càng đóng vai trò quan trọng đảm đương việc nước việc nhà. Và họ, dù lập được chiến công ở đâu, lúc nào, to hay nhỏ... thì Bác Hồ đều biết, Bác đều gửi thư khen, tặng quà, tặng huy hiệu

động viên. Xin nêu một vài ví dụ. Tháng 3 năm 1968, phấn khởi trước những tin thắng lợi to lớn, dồn dập của quân và dân miền Nam gửi ra, có lần Người ngỏ ý muốn được đi thăm miền Nam trước ngày thắng lợi hoàn toàn. Ý nguyện đó chưa thành, bởi thế Bác càng chăm chú theo dõi. Trong tháng 3 năm đó, Bác làm bài thơ “*Khen 11 cháu dân quân gái Thành Huế*” chỉ với súng trường mà đánh thắng giặc:

*Dõng dạc tay cầm khẩu súng trường,
Khôn ngoan dàn trận khắp trong phường.
Bác khen các cháu dân quân gái,
Đánh giặc Hoa Kỳ phải nát xương!*

Trước đó một thời gian, ngày 13-11-1967, Bác Hồ có thư gửi dân quân xã H. của tỉnh Thanh Hoá, đã có thành tích chiến đấu dũng cảm bắn rơi một máy bay phản lực Mỹ. Trong thư, có đoạn Bác tự hào: “*Cùng với thành tích to lớn chống Mỹ, cứu nước của phụ nữ nước ta, chiến công của các cháu càng làm rạng rỡ thêm truyền thống của phụ nữ Việt Nam dũng cảm, đảm đang*”.

Nho giáo ở Việt Nam trước Cách mạng nhìn chung còn rất xem thường vị trí, năng lực người phụ nữ ngoài xã hội và cả trong gia đình. “Nữ nhi yếu kém việc này việc nọ là chuyện thường tình”; “nữ nhi” thậm chí còn “nan hoá” nữa (phụ nữ khó bề giáo dục, cải hoá)... Bác Hồ tiếp thu không ít tinh hoa truyền thống văn hóa ứng xử của Nho giáo, nhưng đối với phụ nữ, Người có quan niệm hoàn toàn khác. Với các cháu gái nói riêng, với phụ nữ trong nước và thế giới nói chung, Người thương yêu, đề cao, trân trọng. Họ làm được điều gì tốt đẹp, ích nước lợi nhà dù nhỏ mấy thì Bác đều biết đến, nhiều trường hợp Bác có lời động viên sát hợp, kịp thời. Ngược lại, ai làm điều gì xấu, gây phiền hà người khác, bôi danh phẩm giá phụ nữ, ảnh hưởng tới quốc gia đồng bào, tới cách mạng, thì Bác không chút ngần ngại góp ý, nhắc nhở thẳng thắn, “làm cho cái phần thiện trong con người nẩy nở để đẩy lùi phần ác”. Tại Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ II, tháng 3 năm 1961, phát biểu trước đông đảo nữ giới, Bác yêu cầu: *“Phụ nữ ta phải xoá bỏ cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự*

lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hoá, mỹ thuật”.

Thường thì Bác dùng những lời lẽ mềm mỏng, ý vị, hóm hỉnh mà nhân hậu để giúp chị em cùng nhận thức ra vấn đề, cùng sửa chữa và tiến bộ, như câu chuyện mở đầu bài viết này. Tâm vóc trí tuệ, nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh cao lớn, lồng lộng mà ai ai cũng vẫn cảm thấy ấm áp, thân gần, tin tưởng là vậy!

BÁC VỚI NGHỆ THUẬT LẤY KIỀU

Để hiểu thêm Bác với nghệ thuật lấy Kiều, ta không thể không trở lại đôi chút với *Truyện Kiều* của thiên tài Nguyễn Du, trở lại hình thức sinh hoạt lấy Kiều như là một hiện tượng của ngôn ngữ, của văn hoá truyền thống.

Truyện Kiều, tác phẩm kết tinh từ trong nội dung, tư tưởng, cấu trúc, thể thơ, ngôn ngữ, nhân vật cả hai dòng văn học tiêu biểu của một dân tộc: Dòng văn học dân gian và dòng văn học bác học. Nhiều câu thơ triết lý, những cách diễn đạt tinh tế là rút ra từ *Truyện Kiều*, một khi được sử dụng thường không phải giải thích gì thêm, công chúng vẫn hiểu, thích thú, nhớ mãi những ý tưởng gửi gắm trong đó. Với hầu hết tác phẩm văn học lớn trên thế giới, tình hình cũng tương tự. Nghệ - Tĩnh, quê hương Nguyễn Du, nơi nhà thơ từng có những khoảng thời gian đi về thăm

viếng, lánh nạn, gấn bó bao kỷ niệm buồn vui thấm thía với đất nước, con người, tiếng nói, phong tục nơi đây. Nghệ - Tĩnh cũng là nơi - theo một số nhà nghiên cứu ước đoán - một phần *Truyện Kiều* được Nguyễn Du ấp ủ và viết ra. Vì thế, không phải ngẫu nhiên, có nhà thơ còn tìm thấy “*Ngôn ngữ Nghệ - Tĩnh trong Truyện Kiều*” (Vương Trọng, Báo Văn Nghệ, số 18.1987). Có thể nói, ở *Truyện Kiều*, tính nhân dân, tính dân tộc đã được nâng lên thành những phẩm chất hiếm có xét trong phạm trù văn học Việt Nam thời kỳ phong kiến. Chính vì lẽ này, xưa nay giới trí thức yêu, hiểu *Truyện Kiều*, tranh luận về Kiều... đã đành, mà nhân dân lao động nói chung, đặc biệt nhân dân Nghệ - Tĩnh cũng rất ham Kiều. Người Nghệ - Tĩnh thích ru Kiều, nói Kiều, nhại Kiều. Chính họ sáng tạo ra Trò Kiều, và sáng tác bài hát dặm “*Truyện Thuý Kiều*” dài 1.162 câu diễn lại *Truyện Kiều*. Họ “vận” Kiều vào đời sống, vào sản xuất một cách phổ biến, rất có duyên, hóm, rất xứ Nghệ. Khá nhiều chuyện “trạng... Kiều” còn lưu lại tới nay làm bằng chứng. Cùng với những hình thức sinh hoạt văn

hoá phong phú khác xung quanh *Truyện Kiều*, lấy Kiều cũng đã hình thành và phát triển.

Nếu nhìn nhận lấy Kiều vừa là hiện tượng của ngôn ngữ, vừa là một hình thức sinh hoạt văn hoá tinh thần dân tộc, ta sẽ thấy được điều thú vị. Ai là người đầu tiên lấy Kiều? Thật khó biết chính xác, nhưng có phần chắc lấy Kiều ra đời và phổ biến không lâu sau khi lưu hành *Truyện Kiều*. Là một phương thức tu từ, khi lấy Kiều, người lấy sử dụng những thi liệu, những cấu trúc trong câu thơ *Truyện Kiều* để tạo nên một màu sắc Kiều, từ đó là màu sắc dân tộc Việt Nam trong biểu đạt. Điều này buộc người lấy Kiều, ngoài vốn sống, năng lực nhạy cảm còn phải am hiểu, phải thuộc lòng *Truyện Kiều* tới mức cần thiết. Ở Bác Hồ, những đòi hỏi này có thể nói luôn dồi dào. Bác là một thi nhân, là người đi nhiều, sống nhiều, từng trải. Bác cũng là người thuộc Kiều, hiểu Kiều tới độ tinh tế (chẳng khác nào Bác từng thuộc và hiểu vốn văn hoá dân gian Việt Nam, trong đó có những “đặc sản” văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh). Thời gian Bác hoạt động ở nước ngoài cũng như khi đã về nước, trên

những nẻo đường kháng chiến, Người từng nhen nhóm niềm say mê *Truyện Kiều* với nhiều đồng chí, chiến sĩ đó sao (xem T.Lan. *Vừa đi đường vừa kể chuyện*. Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1976, tr 12). Không riêng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà hoạt động chính trị - xã hội trước hoặc đồng thời với Bác (như Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Phan Văn Trị, Phan Bội Châu, Nguyễn Đức Cảnh...) đều sử dụng, khai thác nghệ thuật lấy Kiều. Trong đời sống, người ta làm việc đó ở những trường hợp không có tính chất trang nghiêm, chủ yếu để thoả mãn thích thú cá nhân, thú vui ngâm vịnh. Với Bác thì có khác. Vui miệng lấy một đôi câu Kiều cũng có, nhưng hơn ai hết, lấy Kiều trong nói và viết của Bác là một thao tác ngôn ngữ có ý thức rõ rệt.

Một người may mắn được nhiều năm tháng sống và làm việc gần gũi với Bác là luật sư - Bộ trưởng Phan Anh (quê Hà Tĩnh). Luật sư kể lại rằng: Bác rất thích lấy Kiều, cũng như thói quen của nhiều người dân quê xứ Nghệ. Không ít lần, ông được Bác khuyến khích sử dụng thơ Kiều

trong các bài viết, bài nói, các cuộc vui thời kháng chiến. Ví dụ, ngày 19-5-1946, ngày sinh nhật Bác Hồ đầu tiên tại Thủ đô Hà Nội, luật sư lấy Kiều tặng Bác như sau:

*Từ khi đá biết tuổi vàng,
Mỗi dây mỗi buộc, ai giăng cho ra.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Tương tư nhường ấy mới là tương tư.*

Mấy câu thơ lục bát lấy Kiều vừa nêu đầu chỉ nói chuyện riêng tư, mà chủ yếu phản ánh cái lo lắng lúc đó của Bác và của nhiều người về vấn đề thống nhất Bắc - Nam đang bị thực dân Pháp, cùng đồng bọn tráo trở đe dọa.

Một dịp khác, năm 1953, tại Hội nghị kháng chiến hành chính bàn về thuế nông nghiệp, đến phần kết thúc, Bác yêu cầu các đại biểu ngâm thơ. Luật sư Phan Anh đã xin lấy mấy câu Kiều:

*Diệt thù giải phóng quê ta,
Ấy là nghĩa nặng, ấy là tình sâu.*

Bác nghe xong, đọc tiếp luôn:

*Đành lòng chờ đó ít lâu,
Có chầy, cũng một năm sau, vội gì?*

Dứt lời, Bác lấy cái áo vắt ở lưng ghế, ra về và còn đọc tiếp: *"Nói rồi, xách áo ra đi..."*. Mọi người vỗ tay reo cười trong không khí phấn khởi tiễn Bác. Mấy câu thơ lấy Kiều của Bác hôm đó, chẳng khác nào một "câu sấm". Đúng một năm sau, năm 1954, quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ, giải phóng một nửa đất nước, làm tiền đề cho sự nghiệp thống nhất đất nước sau này, vào mùa xuân năm 1975.

Tháng 6-1957, sau 50 năm xa quê tìm đường cứu nước và giải phóng non sông, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm quê hương Nghệ An lần đầu. Nói chuyện với Hội nghị đại biểu nhân dân tỉnh nhà, tổ chức ngày 14 tháng 6 năm đó, Bác Hồ có 2 lần lấy Kiều trong bài nói, đem lại hiệu quả bất ngờ:

- *"Hôm nay, ở đây có đại biểu các cụ phụ lão, công nhân, nông dân, bộ đội, trí thức; có đại biểu phụ nữ, thanh niên, anh em bộ đội phục viên, đồng bào miền Nam tập kết, thương binh bệnh binh, đồng bào dân tộc thiểu số, đại biểu tôn giáo, gia đình liệt sĩ và chiến sĩ, anh hùng và chiến sĩ thi đua, đại biểu các nhà công thương,*

các cháu học sinh, nhi đồng. Chúng ta có thể nói rằng:

*Chúng ta đoàn kết một nhà,
Ấy là nghĩa trọng, ấy là tình sâu.”*

- “Tôi là một người con tỉnh nhà đã hơn 50 năm xa cách quê hương (Bác rời quê, theo cha vào Huế lần thứ 2 vào khoảng năm 1905-1906). Hôm nay, là lần đầu tiên trở lại về thăm tỉnh nhà. Có thể nói là:

*Quê hương nghĩa trọng tình cao,
Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình!”*

Cả trong Di chúc của Người, được công bố năm 1969, đoạn nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bác dự báo và nêu quyết tâm cho cả dân tộc: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn:

*Còn non còn nước còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn
mười ngày nay.”*

Khảo sát một số trường hợp cụ thể, a thấy: Bác lấy Kiều khi trò chuyện, đối thoại với quần chúng; Bác lấy Kiều trong thơ ca, ký sự hồi ký; Bác lấy Kiều cả trong văn hành chính, văn nghị luận; Bác lấy Kiều trong thư riêng, Bác lấy Kiều cả khi đón, đưa một vị nguyên thủ quốc gia...

Riêng trong thơ ca, Bác lấy Kiều nhiều nhất ở thể loại thơ tuyên truyền, cổ động, liên ca chính sách. Có nhà nghiên cứu cho biết: Trung bình cứ 4 bài, có một bài lấy Kiều. Có bài Bác lấy tới 3 lần (xem Lê Kinh Khiên - *"Bước đầu tìm hiểu cách sử dụng phương thức tạp Kiều trong một số tác phẩm của Hồ Chủ tịch"*. Tiểu luận in trong cuốn *Học tập phong cách ngôn ngữ Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Sự Thật. Hà Nội, 1980, tr.187). Nghệ thuật lấy Kiều của Bác cũng rất linh hoạt, lắt léo. Trong thơ, Bác ít sử dụng nguyên vẹn câu thơ *Truyện Kiều* Có lúc thay đổi chỉ một từ, lúc khác Bác giữ lại một nhóm từ để tạo ra câu thơ mới. Cũng có lúc Bác viết một câu xét về hình thức và nội dung cơ bản giống câu thơ Kiều, nhưng ngẫm kỹ ta vẫn thấy có sự chuyển đổi, sáng tạo. Trong văn xuôi, câu

thơ lấy Kiều của Bác có khi được đặt ở đầu bài (tóm tắt nội dung, tinh thần câu chuyện sắp kể, thu hút đối tượng), có khi điểm xuyết vào giữa bài (Nói các ý, đoạn biểu lộ đánh giá, xúc cảm), cũng có khi dùng để kết thúc (nhấn mạnh ý chính vừa trình bày, nhấn gửi một điều gì).

Đáng lưu ý là nhiều câu thơ trong *Truyện Kiều* vốn là những câu thơ buồn, mang triết lý định mệnh tiêu cực của tư tưởng Nguyễn Du, Bác Hồ dùng lại, khi thì để nguyên, khi cải biến chút ít và đặt vào những văn cảnh khác nhau đã làm cho ý nghĩa của chúng khác hẳn. Câu thơ không buồn, không tiêu cực tí nào, trái lại hết sức lạc quan, khẳng định và đôi khi còn thấp thoáng một chút dí dỏm quen thuộc của Bác nữa.

Theo thống kê bước đầu của một số nhà nghiên cứu, có hơn 100 trường hợp Bác Hồ lấy Kiều trong các bài nói và viết của mình. Với những nét đặc trưng sáng tạo riêng, nghệ thuật lấy Kiều của Bác đã tạo cho không ít câu thơ *Truyện Kiều* phát huy được hiệu quả chuyển tải những ý tưởng lớn lao, tuy hết sức thời sự, cần kíp nhưng dễ có khả năng khô, khó vào quần

chúng, nhất là đối với quần chúng ít có điều kiện học hành. Nên nhớ, việc Bác hay lấy Kiều hoàn toàn không phải Bác “sính Kiều”, lấy ặc phẩm của thiên tài này nọ để “trộ” người khác, buộc người khác phải nghe theo. Chính Bác, khi răn cán bộ bệnh nói dài dòng, rắc rối cũng bảo “chớ nói như cách giảng sách”. Lấy Kiều ở Bác thoát nhìn tướng thiên về hình thức, một phép chơi chữ bình thường, ai cũng có thể làm được; nhưng xét kỹ, nó luôn có nhiệm vụ chở đến đối tượng một tư tưởng, một ý nghĩ, một tình cảm nào đó, cụ thể và thiết thực. Những biểu hiện đa dạng trong nghệ thuật lấy Kiều của Bác, trực tiếp hay gián tiếp, đều bị chi phối bởi quan điểm quần chúng trong viết và nói của Người. Ngay từ tháng 10 năm 1947, soạn cuốn *Sửa đổi lối làm việc*, khi đưa ra liều thuốc chống thói ba hoa, có đoạn Bác đã yêu cầu: *“Khi viết khi nói phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình. Bao giờ cũng phải tự hỏi: Ta viết cho ai xem? Nói cho ai nghe?”*. Những luận điểm hàm súc này biểu hiện rõ tính

cách mạng, tính khoa học - hiện đại và đặc biệt, nó được quán triệt trong toàn bộ di sản tinh thần Người để lại. Sẽ là một thiếu sót khi đi vào lý giải vấn đề đang tìm hiểu nếu chúng ta không đề cập tới ý thức và tài nghệ sử dụng các phương tiện ngôn ngữ dân tộc mà Bác Hồ đã dày công học hỏi, rèn luyện.

Mỗi con người, ai cũng gắn bó với ngôn ngữ dân tộc mình từ trong máu thịt. Tính dân tộc ở lời nói, câu văn càng cao, càng sâu thì hiệu quả thực tế đối với người nghe, người đọc càng mạnh mẽ, thấm thía. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, tính dân tộc là điều kiện tiên quyết để cho tiếng nói, tư tưởng của mình đến thẳng lòng đối tượng. Chính vì thế, không riêng gì tiếng Việt, trong phạm vi có thể, ở thứ tiếng nào Bác cũng nắm được bản sắc, tinh hoa của nó. Khi sử dụng tiếng mẹ đẻ, Bác đã tìm thấy trong văn Kiều cách nói, lối diễn đạt phù hợp với Bác, phù hợp với từng bối cảnh lịch sử, tâm lý cụ thể con người Việt Nam.

Tìm hiểu Bác Hồ với nghệ thuật lấy Kiều, có một điểm nữa đáng lưu ý: không chỉ mình Bác

lấy Kiều. Để tiếp cận quần chúng, mà một trong những biện pháp là học cách lấy Kiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn khích lệ, “tiếp sức” cho đồng chí của mình sử dụng lấy Kiều khi cần thiết. Bởi vì từ thực tiễn cách mạng, Bác thừa biết không ít đồng chí làm công tác tuyên truyền, có cả cán bộ cấp cao, khi nói viết thì “*khô khan, cứng nhắc, không hoạt bát, không thiết thực*” mà lại cứ tưởng mình viết gì, nói gì người khác đều hiểu cả!

Có thể có người nghĩ, Cụ Hồ lấy Kiều cốt để làm tuyên truyền, làm chính trị? Đúng thế, nhưng ở Bác, con người đi tìm Chân Lý, cũng là con người đi tìm Cái Đẹp. Tôi nghĩ, lấy Kiều với Bác còn là một nhu cầu thẩm mỹ nội tại, là cái thú văn chương tao nhã nữa. Cũng như bao lần Bác sử dụng thanh công ca dao, tục ngữ dân tộc, đến với sinh hoạt lấy Kiều - một biểu hiện văn hoá vừa có tính bác học, vừa đậm màu sắc dân gian là một cách Bác tiếp cận với những đỉnh cao của văn hoá truyền thống Việt Nam. Người tiếp thêm sức sống cho nó, đồng thời, những dấu ấn của nền văn hoá này đã góp phần tạo nên văn

phong của Người nét độc đáo, có ý nghĩa lâu bền. Tìm hiểu Bác với nghệ thuật lấy Kiều một cách công phu, toàn diện, từ nhiều góc độ khác nhau (văn học, văn hoá dân gian, ngôn ngữ học, nghệ thuật tuyên truyền, cổ động...) chắc chắn sẽ mang lại cho hôm nay không ít bài học bổ ích. Có thể, đó là tình cảm gắn bó, thuỷ chung của Bác với quê hương, với dân tộc và văn hoá dân tộc. Có thể, đó là tính mục đích, quan điểm quần chúng, khả năng sáng tạo và tiết kiệm trong ngôn ngữ của Người... Và sau hết, cũng là trên hết, để ta hiểu thêm, yêu quý thêm một Con Người - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Hồ Chí Minh - sản phẩm kết tinh của nhiều khu vực văn hoá lớn trên trái đất, trong đó truyền thống văn hoá nhân bản của Việt Nam nói chung, của xứ sở Hồng - Lam nói riêng, đóng vai trò chủ đạo, quyết định.

“RA ĐI, BÁC DẶN CÒN NON NƯỚC”

Mỗi năm, cứ đến ngày sinh của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường không muốn nói người đến chúc thọ. Thời gian còn khoẻ, Bác hay từ chối, hoặc tìm đến một nơi nào đó. Chẳng hạn, ngày 15 tháng 5 năm 1949, Bác đã từ chối việc tổ chức trọng thể lễ sinh nhật của Người. Điều thú vị, là Bác đã từ chối bằng... thơ:

KHÔNG ĐỀ

*Vì nước chưa nên nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già
Chờ cho kháng chiến thành công lã,
Bạn sẽ ăn mừng sinh nhật ta.*

Đến năm sau (1950), tuổi Bác tròn 60. Cuộc gặp gỡ được tiến hành trong rừng chiến khu Việt Bắc, thật tao nhã và ấm cúng. Hai soạn giả cuốn

Thơ ca chiến khu của Chủ tịch Hồ Chí Minh (in lần 3, năm 2001) dẫn lại lời nhà thơ Xuân Diệu kể về kỷ niệm sâu sắc này: “Đường mòn mờ dần như lênh bênh nổi lên, tôi qua những lùm cây dâu da tối mít và trái từng chùm. Qua bãi rậm, đã tối hẳn, rồi chợt nghe tiếng gì văng vẳng như máy nổ, tôi đi giữa và đứng trước một vầng ánh đèn điện... Tôi nhớ mãi buổi mừng thọ Bác Hồ sáu mươi tuổi trong gian phòng tre nứa. Các đồng chí Trung ương, Bộ trưởng, Thứ trưởng, các vị thường trực Quốc hội và nhiều đồng chí nữa. Ở giữa là Bác Hồ. Thật là một gia đình kháng chiến!”.

Cho đến năm 1969, thời điểm Bộ Chính trị ra Nghị quyết tổ chức 4 ngày lễ lớn của năm sau: 40 năm thành lập Đảng - 100 năm sinh Lê Nin - 80 năm sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh - 25 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bác Hồ bấy giờ đã yếu nhiều. Trước đó một thời gian, Bộ Chính trị đã thống nhất việc để giữ gìn sức khoẻ của Bác, mỗi khi bàn bạc và quyết định những việc thật quan trọng, thì mời Bác chủ trì, nếu không thì Bộ Chính trị cứ bàn bạc rồi báo

cáo, xin ý kiến Bác sau. Nghị quyết tổ chức 4 ngày lễ nói trên, Bác không dự nên khi biê Bác tỏ ra không tán thành toàn bộ. Người nói vì mà thật và thẳng:

- Tôi chỉ đồng ý 3/4 Nghị quyết thôi!

Rồi Bác phân tích cụ thể hơn, để mọi người có mặt lúc đó cùng thông cảm:

- Kỷ niệm ngày sinh Lê Nin, ngày lập Đảng và lập Nước là đúng, nên làm rồi. Còn không nên tổ chức kỷ niệm ngày sinh của tôi! Hiện nay, giấy in sách vở cho các cháu còn thiếu, vì thế không nên in sách của tôi nhiều!

Lịch sử nước ta, vào năm 1946, được củng cố kiến một sự kiện kỳ vĩ và cảm động: Ngày 6 tháng 1 năm 1946, Tổng tuyển cử lần đầu tiên tiến hành trên phạm vi cả nước. Mọi công dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, tầng cấp, tôn giáo đều có quyền đi bầu cử và ứng cử. Hơn 90% tổng số cử tri đã tới bỏ phiếu. Và ông dân Hồ Chí Minh đã trúng cử với số phiếu cao nhất, là 98%. Trả lời các nhà báo, Bác bộc bạch lòng mình, lão thực chẳng khác một hiền triết

Phương Đông truyền thống: *“Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh, phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra trước mặt trận.*

Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng. Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc, để câu cá trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”.

Sự “ham muốn tột bậc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài trả lời các nhà báo năm 1946 ấy, được nhắc lại cô đọng hơn, với ý nghĩa rộng mở hơn trong phần cuối bản *Di chúc*, Bác viết xong lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 1965 và đến ngày 10 tháng 5 năm 1969 thì được xem lại, sửa chữa, bổ sung lần chót: *“Điều mong muốn cuối cùng*

của tôi là toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Không ai muốn nghĩ rằng, chỉ một thời gian không lâu sau đó, Bác sẽ từ già cõi đời “*đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin và các vị cách mạng đàn anh khác*”. Và ngày 19 tháng 5 năm 1970, cả đất nước ta, cả loài người tiến bộ kỷ niệm 80 năm sinh của Người trong niềm tiếc thương vô hạn; một nhà thơ lớn đã nói dùm ta phần nào ở hai câu thơ:

Ra đi, Bác dặn "Còn non nước..."

Nghĩa nặng lòng không dám khóc nhiều.

(Tố Hữu - Bài thơ “Bác ơi!”)

ĐI SƯU TẦM CA DAO VỀ BÁC

(Thay lời cuối sách)

Nếu hiểu “*Ca dao cũng là thơ - một loại thơ riêng biệt*” (Xuân Diệu) thì bên cạnh bộ phận không nhỏ thơ của các nhà thơ chuyên nghiệp, cùng nhiều cây bút không chuyên viết về Bác Hồ suốt nhiều năm nay, còn có vô vàn bài thơ của nhân dân về Bác, tạo nên một hiện tượng đáng lưu ý trong lịch sử thơ ca Việt Nam.

Bác Hồ của chúng ta bước vào thế giới ca dao, thế giới của văn hoá dân gian một cách tự nhiên, nhẹ nhõm. Nhưng điều đó không phải là ngẫu nhiên! “*Không phải bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng có thể gia nhập được vào thế giới Folklore* - Giáo sư Vũ Ngọc Khánh viết - *Muốn vào thế giới này, nhân vật phải thoả mãn một số điều kiện. Phải là con người có gắn bó hoặc những khía cạnh gắn bó nào đó với quần chúng*

về những quyền lợi sinh tồn. Phải có “chuyện” cùng là phải đáp ứng được nhu cầu mỹ cảm của nhân dân”. (Tập chí Văn hoá dân gian, Số 4-1986). Con người và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh tất nhiên đã đáp ứng đầy đủ những điều kiện trên.

Ca dao về Bác Hồ chủ yếu được sáng tác sau Cách mạng (1945). Đó là ca dao mới, thuộc phạm trù văn hoá dân gian hiện đại. Từ tác giả đến phương thức sáng tác, lưu truyền; từ đề tài, chủ đề, nhân vật đến bối cảnh, không khí thời đại, ca dao mới đều có những điểm khác với ca dao truyền thống. Tuy nhiên, ca dao mới trong đó bao gồm cả ca dao về Bác, vẫn *không đứt đoạn* với ca dao truyền thống, cả phương diện nghệ thuật, thi liệu, đặc biệt là thái độ, tấm lòng - một tấm lòng thành kính của người dân lao động đối với các vĩ nhân xưa nay có công lớn cho dân cho nước, như Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Bội Châu... Hiện, chúng ta còn lưu giữ được khá nhiều tài liệu dân gian (truyền thuyết, truyện cổ tích, ca dao, về lịch sử...) về họ.

Ca dao về Bác Hồ là cái “kho” chứa bao lời hay ý đẹp ngợi ca công lao, đức độ, tài trí của Người. Ở đâu và bất cứ lúc nào, ta cũng có thể được đọc, được nghe hát. Hầu như ai cũng thuộc ít nhất một vài câu, bài và lạ thay, lắm khi ta cảm thấy như chính ta sáng tác ra vậy, cho dù đó là nỗi niềm của một em bé Xa-Côn (Thái Lan) viết nhân ngày sinh nhật Bác, tâm sự của một cô gái già gào nơi núi cao Việt Bắc, tiếng hát văng lên từ một dòng sông xứ Nghệ thời kháng Pháp, hay nỗi niềm đau đáu của người dân miền Nam chờ mong ngày đất nước thống nhất để đón Bác Hồ vào thăm. Một điều thú vị là hầu như vốn phương ngữ, những địa danh, sản vật nổi tiếng và nếp tư duy tiêu biểu cho mỗi miền, mỗi vùng đất đều in đậm dấu ấn vào ca dao về Bác. Vì lẽ đó, ca dao ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là những bài hay, bên cạnh những đặc điểm thi pháp chung của ca dao Việt Nam, còn có những màu sắc khác nhau, dễ nhận biết.

Ca dao về Bác hay và phong phú như vậy, tiếc thay đã bị bỏ rơi khá nhiều. Số người sáng tác ít dần, số chịu khó nhặt nhạnh, ghi chép - cả những

cái do mình sáng tác - lại không nhiều. Một số cuốn như *Ca dao lao động*; *Ca dao Chống Pháp*; *Ca dao chống Mỹ*; *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*; *Ca dao Nam bộ*... các soạn giả đều dành phần trang trọng giới thiệu ca dao về Bác. Thời gian kỷ niệm 90 năm sinh nhật Bác Hồ, nhà thơ Trần Hữu Thung cho ra mắt bạn đọc cuốn *Ca dao về Bác Hồ* (NXB Nghệ - Tĩnh, 1988). Cũng thời gian này, một đồng nghiệp của tôi vào giảng dạy tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhà giáo Bùi Mạnh Nhị, sau nhiều đợt thầy trò đi sưu tầm, đã cho ra cuốn *Ca dao Nam bộ về Hồ Chủ tịch*. Được tỉnh giúp đỡ, khoa Ngữ văn Trường ĐHS Vinh đã cử cán bộ và sinh viên tới một số điểm liên quan tới Bác trên địa bàn Nghệ - Tĩnh để góp nhặt sáng tác dân gian về Bác. Năm 1990, Bác Hồ tròn 100 tuổi. Cả thế giới làm lễ kỷ niệm Bác với tư cách một Danh nhân, một Nhà văn hoá lớn. Trong số nhiều đầu sách xuất bản năm này, tôi chú ý tới cuốn *Ca dao Bảo Định Giang* (NXB Thành phố Hồ Chí Minh). Cuốn sách có tính chất tuyển tập bốn mươi năm ca dao của nhà thơ. Trong số hơn 200 bài ca dao thì có tới 60 bài về Bác, được sáng tác từ 1946 lại nay. Bảo Định Giang chính là tác

giả hai câu ca dao được xem là hay nhất của ca dao Nam bộ về Bác Hồ:

*Tháp Mười đẹp nhất bông sen,
Nước Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ.*

(1946)

Những thành quả và cố gắng kể trên, đặt trong hoàn cảnh hiện nay, thật đáng khích lệ, đáng ghi nhận. Tôi muốn dừng lại tí chút với một cuốn sách của nhà thơ Trần Hữu Thung. Ông quan niệm ca dao về Bác là một hiện tượng đặc biệt của ca dao nói riêng, của văn học dân tộc ta nói chung, đã góp vào một bản sắc độc đáo cùng với các bộ môn văn nghệ khác ca ngợi và ghi tạc công ơn Bác. Những năm lăn lộn chống Pháp rồi chống Mỹ, nhiều bài ca dao về Bác có hoặc không có tên tác giả được ông ghi chép, lưu giữ cẩn trọng. Với Trần Hữu Thung, ca dao về Bác gắn bó máu thịt với từng kỷ niệm, hồi ức, với những năm tháng hào hùng, đẹp đẽ của cả nước cũng như của bản thân ông, từ phong trào chống nạn mù chữ hồi đầu Cách mạng mà ông là một giáo viên, phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm đến phong trào tòng quân đưa tiễn người thân ra

mặt trận. Nhớ mãi một đêm trăng xuôi sông Lam đi công tác vào Bình - Trị - Thiên, Trần Hữu Thung được nghe tiếng hát cất lên từ chiếc thuyền vận tải:

Thuyền ai xuôi chợ Vực

Thuyền ai ngược Đô Lương

Thuyền anh chở khách chở phò

Thuyền em chỉ chở công lương cho Cụ Hồ.

Rồi sáng tác của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, nông dân ứng khẩu dọc đường chiến dịch, viết vội trên các báo tường, báo liếp, bảng sùng, nơi nhà máy, cánh đồng, bãi tập... Cứ thế, ca dao về Bác rộ lên trong từng bối cảnh cụ thể, sống động, lắm khi rất bất ngờ, không sao chép xuê! Nhiều chục năm sau, mỗi lần đem đọc lại hoặc nhớ lại, Trần Hữu Thung vẫn còn ngạc nhiên: “*Ca dao về Bác mà nay ta đọc được phần lớn là ứng khẩu và ghi nhanh. Ấy thế mà chân thật, hồn nhiên, bay bổng, thanh thoát và cũng rất đúng đắn*”. Ông cũng không khỏi nuối tiếc, tự trách mình khi ngồi viết những dòng có tính chất hồi ký này: “*Ngày ấy, được nghe tiếng hò (về Bác)*

giữa đoàn dân công trên đường ra mặt trận, tôi cũng có phần coi nhẹ. Mà nếu có gặp câu hay cũng làm sao mà ghi được trong đêm tối đường rừng. Ngày ấy, được đọc trên báo tường của các đơn vị Vệ quốc khi hành quân ghé nghỉ, tôi cũng chưa có ý thức chép nhặt lấy những câu hay. Giờ đây... tôi cảm thấy bâng khuâng". Số câu, bài còn chép lại được hoặc còn nhớ, Trần Hữu Thung tập hợp, biên soạn và cho ra cuốn *Ca dao về Bác Hồ*, với 224 đơn vị tác phẩm, cùng những trang ngẫm nghĩ của ông nhân đọc lại ca dao về Bác, viết rất xúc động, thấm thía!

Tôi cứ thâm nghĩ, cứ thâm ao ước: Giá như mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi vùng đất đều sớm có ý thức tìm kiếm, ghi chép, bảo lưu những sáng tác văn học dân gian nói chung, thể loại ca dao nói riêng về Bác Hồ, dù là lưu truyền bằng miệng hay trên các sách báo từ bấy đến nay, thì khắp cả nước ta; sẽ thu được một lượng tài liệu lớn biết chừng nào; các nhà nghiên cứu, giảng dạy, các nhà làm sách sẽ gặp thuận lợi biết chừng nào. Đây là cơ sở đáng tin cậy cho chúng ta có trong tay nay mai một Tuyển tập ca dao đầy đặn, về Người!

SÁCH THAM KHẢO

- Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tuyển tập* - 2 tập (NXB Sự Thật, 1980)
- Hồ Chí Minh : *Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận* (NXB Văn học, 1981)
- Hồ Chí Minh: *Thơ Hồ Chí Minh* (NXB Nghệ An, tái bản, 2003)
- Hồ Chí Minh: *Bác Hồ với thiếu nhi* (NXB Thanh Niên, 2002)
- Hồ Chí Minh: *Danh ngôn Hồ Chí Minh* (NXB Văn hoá - Thông tin, 2000)
- Nhiều tác giả: *Bác Hồ với quê hương Nghệ - Tĩnh* (NXB Nghệ - Tĩnh, 1990)
- Nhiều tác giả: *Tư tưởng Hồ Chí Minh* (NXB Chính trị Quốc gia, 2003)

- Nhiều tác giả: *Kể chuyện Bác Hồ* - 3 tập (NXB Giáo dục, tái bản, 2003)
- Nhiều tác giả: *Bác Hồ, con người và phong cách* (NXB Lao Động, in lần 4, 2001)
- Khu di tích Kim Liên: *Quê hương trong lòng Bác* (NXB Chính trị Quốc gia, 1995)
- Nhiều tác giả: *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại* (Viện Hồ Chí Minh và NXB Lao Động, 2001)
- Trần Đắc Thọ: *Thơ chữ Hán của Hồ Chủ tịch* (NXB Đại học Quốc gia, 2003)
- Đỗ Đức Hùng: *Biên niên sử Việt Nam* (NXB Thanh Niên, in lần 2, 2001).

HỌC TIẾNG NÓI CỦA LÊ NIN

MỤC LỤC

1	Người mở trang đầu cho iên Mỹ thuật Cách mạng nước ta	7
2	Học tiếng nói của Lê Nin	11
3	Thêm bản dịch một bài thơ chữ Hán của Bác	15
4	“Một nhành mai” hay “nột cây chi mai”?	18
5	Bài thơ cuối mở đầu Tự do	22
6	“Đã sáng lại trời Thu tháng Tám”	25
7	Tết Trung Thu đầu tiên của một nước Độc lập	30
8	“Tết này mới thật Tết dân ta!”	33
9	Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí chống tiêu cực	37
10	“Các nhà văn hoá Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến Nhi đồng”	42
11	Thế nào là Đời sống mới trong một gia đình?	45
12	“Phụ nữ phải tham gia chính quyền nhiều hơn nữa và thiết thực hơn nữa	49

13	Bác Hồ nghe... thơ về Bác	52
14	Câu chuyện của tình người	57
15	Điện Biên Phủ trong tầm nhìn của Bác	61
16	Bài báo nêu gương một liệt sĩ của xứ Nghệ	66
17	Các cháu mồ côi trong tình thương Bác Hồ	69
18	“Tôi nói thật, có mất lòng không?”	76
19	Bác Hồ nói chuyện với cán bộ phụ trách thiếu nhi	79
20	“Đảng ta là Đạo đức, là Văn minh”	84
21	Làm Chủ tịch nước không phải làm vua	90
22	“Ai giúp mình một chút cũng không được quên ơn”	92
23	Đón Bác và được Bác đón	94
24	Bác với nghệ thuật lấy Kiều	99
25	"Ra đi, Bác dặn: Còn non nước"	112
26	Đi sưu tầm ca dao về Bác (Thay lời cuối sách)	117

BÁC HỒ
NHỮNG
CÂU CHUYỆN
CẢM ĐỘNG

Giá: 15.000đ